

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số: 1132/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo về truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Đề án số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 54/TTr-SNN ngày 11/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai) tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tiến độ và kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Ủy ban Quốc gia UPSCTT và TKCN;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TT PCTT;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP1,3;
- Lưu: VT, THI, NLN1, TNMT2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thế

Lào Cai, ngày 17 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(kèm theo Quyết định số: 113/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Trong những năm qua, trước sự biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, đã xuất hiện nhiều dạng thiên tai cực đoan, khó lường gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của cả nước nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng; Tỉnh ủy, HĐND, UBND đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt, huy động cả hệ thống Chính trị các cấp vào cuộc. Do đó, đã chủ động rất tốt trong công tác phòng chống, ứng phó trước mọi tình huống thiên tai gây ra; góp phần quan trọng vào việc giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản khi thiên tai xảy ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững; trong đó, công tác xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai giữ vai trò rất quan trọng.

Thực hiện chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và trước những thách thức mới của biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Lào Cai; nhằm phát huy tối đa các nguồn lực tại chỗ, đồng thời nâng cao vai trò quản lý, chỉ đạo của chính quyền địa phương các cấp, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức quốc tế, các Doanh nghiệp để đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong thời gian tới. UBND tỉnh xây dựng, phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức thực hiện, nhằm chủ động trong công tác phòng, tránh, ứng phó kịp thời, hiệu quả và giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phần I

Căn cứ lập kế hoạch và điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

I. Các căn cứ lập kế hoạch

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn;
- Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng

Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Căn cứ Đề án số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo về truyền tin thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

- Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-TTg ngày 03/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu;

- Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai và TKCN giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Căn cứ Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm năm 2018;

Đề chủ động trong công tác phòng chống, ứng phó, giảm nhẹ thiên tai; kịp thời khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. UBND tỉnh xây dựng và ban hành "*Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai*" như sau:

II. Điều kiện tự nhiên - kinh tế, xã hội

1. Đặc điểm tự nhiên

a) *Vị trí địa lý*: Lào Cai là tỉnh miền núi phía Tây Bắc, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt và 345 km theo đường bộ (*Theo QL 70*). Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang; phía Tây giáp tỉnh Lai Châu; phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (*Trung Quốc*) với 182,086 km đường biên giới.

b) *Địa hình*: Địa hình tỉnh Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh. Hai dãy núi chính là dãy núi Hoàng Liên Sơn và dãy núi Con Voi cùng có hướng Tây Bắc - Đông Nam nằm về phía Đông và phía Tây tạo ra các vùng đất thấp trung bình giữa hai dãy núi về phía Tây dãy Hoàng Liên Sơn. Địa

hình đặc trưng chủ yếu là núi cao, đồi dốc, khe sâu; những vùng đất có độ dốc trên 25⁰ chiếm 80% diện tích đất của toàn tỉnh. Địa hình được chia thành 2 vùng, với đặc trưng nền nhiệt và chịu sự tác động của khí hậu thời tiết, thiên tai khác nhau, gồm:

- Vùng đồi núi cao bao gồm các huyện: Sa Pa, Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Văn Bàn thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai như lở đất, lũ ống, lũ quét, mưa đá, mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất, sét, hạn hán, rét hại...

- Vùng thấp gồm các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, thành phố Lào Cai và một phần của huyện Bát Xát thường bị ngập úng do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão, đặc biệt là mưa lớn, mưa cục bộ xảy ra.

- Do tỉnh Lào Cai nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bão nhưng chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới. Tuy nhiên, do nằm ở phía Đông của dãy núi Con Voi và Hoàng Liên Sơn là một trong những tâm mưa lớn của cả nước (*Bình quân lượng mưa tại trạm Bảo Yên là 2.140 mm/năm, riêng năm 2013 đạt 2.921 mm*). Ảnh hưởng của hoàn lưu bão trên địa bàn tỉnh chủ yếu là giông lốc, mưa kéo dài, mưa lớn gây ngập úng vùng thấp; lũ quét, trượt sạt lở đất ở vùng núi.

c) Hiện trạng sử dụng đất (Theo niên giám thống kê năm 2016)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	636.403,20	100
1	Đất nông nghiệp	486.710,26	76,48
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	135.419,84	21,28
1.2	Đất lâm nghiệp có rừng	348.705,39	54,79
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.542,71	0,40
1.4	Đất nông nghiệp khác	42,32	0,01
2	Đất phi nông nghiệp	32.678,12	5,14
2.1	Đất ở	5.012,50	0,79
2.2	Đất chuyên dùng	18.324,53	2,88
2.3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	20,36	0,00
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	394,43	0,06
2.5	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	8.891,07	1,40
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	35,23	0,01
3	Đất chưa sử dụng	117.014,82	18,38
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	835,41	0,13

3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	110.185,95	17,31
3.3	Núi đá không có rừng cây	5.993,46	0,94

d) Sông, suối

Lào Cai có hệ thống sông, suối dày đặc được phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh, trong đó có ba con sông lớn là sông Hồng, sông Chày và sông Nậm Thi có độ dốc cao, ngắn, hàm lượng phù sa lớn.

- Sông Hồng: Điểm tiếp xúc đầu tiên của sông Hồng với lãnh thổ Việt Nam tại xã A Mú Sung, huyện Bát Xát; chính giữa sông là điểm phân chia lãnh thổ hai nước; đến thành phố Lào Cai, sông Hồng chảy hẳn vào lãnh thổ Việt Nam, trong đó chảy qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 120 km; mực nước cao nhất 8.148 cm; lưu lượng nước cao nhất 3.690m³/s. Sông Hồng góp phần quan trọng trong sinh hoạt và đời sống cũng như trong sản xuất. Song, do lượng phù sa lớn, lòng sông luôn bị bồi lấp kết hợp với mưa lớn khiến cho mực nước thường xuyên thay đổi.

- Sông Chày: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện: Si Ma Cai, Bắc Hà, Bảo Yên. Độ dài sông Chày đi qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 124 km; mực nước cao nhất 7.613 cm; lưu lượng nước cao nhất 2.440 m³/s. Sông Chày góp phần quan trọng trong sinh hoạt, đời sống và sản xuất của các huyện Si Ma Cai, Bắc Hà, Bảo Yên; tuy nhiên, sông Chày bị tác động bởi 11 nhà máy Thủy điện ngăn chặn dòng nước, do đó mực nước bị thay đổi bất thường và phụ thuộc nhiều vào sự vận hành ngấm, xả của các nhà máy Thủy điện.

- Sông Nậm Thi: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện: Mường Khương, Bảo Thắng và thành phố Lào Cai. Độ dài sông Nậm Thi đi qua tỉnh Lào Cai khoảng 122 km, mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ, ngập lụt khu vực ven sông Nậm Thi các huyện Bảo Thắng và thành phố Lào Cai.

- Suối: Ngoài ba con sông chính, trên địa bàn tỉnh Lào Cai còn có khoảng 107 dòng suối lớn, nhỏ; về mùa mưa có thể gây sạt lở đất, ngập lụt, lũ ống, lũ quét..., gây thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Thời tiết, khí hậu

- Lào Cai có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 22⁰C đến 24⁰C; độ ẩm trung bình trên 80%. Do vị trí địa lý của tỉnh Lào Cai nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, nhưng chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới, giông lốc, mưa kéo dài, mưa lớn làm ngập úng vùng thấp, lũ quét, sạt lở đất...

- Lào Cai là tỉnh hội tụ đủ cả ba vùng sinh thái miền núi, trung du, đồng bằng; có địa hình phức tạp chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm, gió mùa; có nhiều khác biệt về tiểu vùng khí hậu, từ đó thường xuyên chịu ảnh hưởng của 16/19 loại thiên tai như: lốc, mưa đá, lũ, lũ quét, hạn hán, sạt lở, sét, rét hại.... Mặc dù nằm sâu trong đất liền, không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng mỗi khi bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh ven biển phía Bắc, hoàn lưu của bão kết hợp với rãnh

thấp thường gây mưa to đến rất to tạo ra lũ, sạt lở đất đá gây thiệt hại nặng cả về người và tài sản của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Dân số, lao động, hộ nghèo

a) Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2016: 684.295 người, trong đó (Nam 345.748 người; Nữ 338.547 người); bình quân: 108 người/km².

b) Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên

- Tổng số: 432.751 người, trong đó (Nữ 223.614 người; nam 209.137 người).

- Lao động thành thị: 87.544 người, nông thôn 345.207 người.

c) Tỷ lệ hộ nghèo năm 2016: Tính theo tiêu chí mới là 27,41% , trong đó: (Thành thị, là 5,42%; Nông thôn, là 35,11 %).

(Số liệu theo niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2016)

4. Tăng trưởng kinh tế năm 2017: Tăng trưởng kinh tế tỉnh Lào Cai được duy trì ổn định; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) đạt 10,15%, trong đó (Nông, lâm, thủy sản tăng 6,23%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,59%; Dịch vụ tăng 10,08%); duy trì cơ cấu kinh tế tích cực, hợp lý (tỷ trọng trong tổng GRDP: Ngành Công nghiệp - Xây dựng 43,2%; Dịch vụ chiếm 42,56%; Nông nghiệp 14,24%); GRDP bình quân đầu người đạt 51,2 triệu đồng, tăng 11,3% so năm 2016.

5. Hệ thống thông tin cảnh báo Khí tượng, Thủy văn và hệ thống cảnh báo sớm thiên tai

a) Hệ thống thông tin cảnh báo Khí tượng, Thủy văn

- Mạng lưới trạm Khí tượng Thủy văn của tỉnh, gồm: 18 trạm, trong đó:

+ 10 trạm của Đài Khí tượng thủy văn Lào Cai (Trạm Lào Cai; Trạm Sa Pa, Trạm Nghiên cứu khí hậu nhiệt đới núi cao Sa Pa; Trạm Bắc Hà; Trạm Bảo Yên; Trạm Thủy văn Lào Cai; Trạm Thủy văn Ngòi Nhù; Trạm Thủy văn Bảo Yên; Trạm Thủy văn Vĩnh Yên; Trạm Thủy văn Bảo Hà).

+ 08 trạm quan trắc khí tượng phục vụ dự báo, cảnh báo cháy rừng của Chi cục Kiểm lâm được lắp đặt tại: Trụ sở Chi cục Kiểm Lâm thành phố; Trụ sở UBND xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà; Trạm Kiểm Lâm xã Dương Quý và BQL khu BTTN Hoàng liên thôn Nậm Xé, huyện Văn Bàn; Trụ sở UBND xã Bản Khoang và Trạm Kiểm Lâm cụm Núi Xé, huyện Sa Pa; Trụ sở UBND xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát; Trụ sở trạm Kiểm Lâm cụm xã Xuân Giao, Huyện Bảo Thắng.

- Trạm đo mưa có 33 trạm, trong đó:

+ 22 trạm đo mưa do Đài Khí tượng Thủy văn Lào Cai quản lý, trong đó có 06 trạm tại nhà máy Thủy điện và tại UBND các xã gồm (Ô Quý Hồ và Hàm Rồng, huyện Sa Pa; Phó Lu, huyện Bảo Thắng; Khánh Yên, huyện Văn Bàn; Bảo Nhai và Cốc Ly, huyện Bắc Hà; Mường Hum, Ý Tý và Thị trấn Bát Xát huyện Bát Xát; Thị trấn Mường Khương và Bản Lầu, huyện Mường Khương; Làng Bông, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên).

+ 10 trạm đo mưa do Văn phòng Thường trực phòng, chống thiên tai quản lý được lắp đặt tại 06 nhà máy thủy điện (*Séo Chông Hồ; Tà Thàng; Mường Hum; Ngòi Phát; Nậm Phàng; Cốc Ly*) và trụ sở UBND 04 xã (*Dương Quỳ - Văn Bàn; Gia Phú - Bảo Thắng; Việt Tiến và Kim Sơn - Bảo Yên*).

+ 01 trạm đo mưa của Đài Khí tượng khu vực Tây Bắc tại thôn Cốc Mỳ, xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát.

- Hệ thống các Trạm khí tượng Thủy văn và các trạm đo mưa của Đài Khí tượng Thủy văn Lào Cai hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu cảnh báo, dự báo về diễn biến thiên tai do đã xuống cấp, kỹ thuật lạc hậu. Các điểm đo mưa phần lớn phụ thuộc vào việc thống kê báo cáo dữ liệu từ người dân. Vì vậy, chưa đáp ứng được thông tin dự báo về diễn biến thời tiết, khí hậu, tình hình bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ và các hiện tượng khí hậu thủy văn nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan kịp thời chỉ đạo và người dân chủ động phòng, tránh.

b) Hệ thống cảnh báo sớm thiên tai: Gồm 02 hệ thống cảnh báo sớm thiên tai do Viện quản lý Thiên tai Hàn Quốc tài trợ được lắp đặt tại 12 vị trí thuộc huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai (*xã Tả Phời - TP Lào Cai; xã Quang Kim và Phìn Ngan - huyện Bát Xát*). Thiết bị được lắp, gồm: 04 cụm loa (*mỗi cụm loa có 8 chiếc*); 4 điểm đo lượng mưa (*mỗi điểm 01 thiết bị*); 4 điểm đo lưu lượng dòng chảy (*mỗi điểm 01 thiết bị*); 01 máy chủ được lắp tại Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Lào Cai. Hiện nay, đang trong thời gian vận hành thử nghiệm; các trạm đo mưa cung cấp thông tin về lượng mưa qua đường truyền trực tuyến kịp thời phục vụ công tác dự báo, cảnh báo rất hiệu quả. Ngoài ra, các Nhà máy thủy điện còn sử dụng phần mềm tin nhắn để thông tin, tình hình xả lũ đến các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp để chỉ đạo kịp thời và thông báo cho người dân vùng hạ du phòng tránh, hạn chế thấp nhất thiệt hại do việc xả lũ gây ra.

6. Hệ thống cơ sở hạ tầng

a) Hệ thống đường giao thông: Mạng lưới giao thông tỉnh Lào Cai phân bố rộng khắp, khá đồng đều trên địa bàn các huyện, thành phố đảm bảo giao thông thuận lợi. Tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Lào Cai là tuyến giao thông quan trọng đi qua các tỉnh Hà Nội - Vĩnh phúc - Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai. Đây là tuyến đường kết nối giữa Việt Nam với Trung Quốc; các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ và đường huyện đã được kết nối thông suốt, từ đó tạo ra mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trong tỉnh.

Hệ thống giao thông	Chiều dài (km)	Tỷ lệ (%)
Quốc lộ, cao tốc	524,95	9,20
Đường tỉnh	611,70	10,72
Đường huyện	773,65	13,56

Đường xã	3.594,46	63,30
Đường đô thị	140,90	2,47
Đường chuyên dùng	60,10	1,05
Tổng	5.705,76	100

Trên địa bàn tỉnh hiện có: 5.705,76 km, trong đó 6 tuyến Quốc lộ và cao tốc (*Cao tốc Hà Nội - Lào Cai, QL4, 4D, 4E, 279, 70 chạy qua địa bàn tỉnh với tổng chiều dài 524,95 km*); 13 tuyến Tỉnh lộ dài 611,7 km; khoảng 773,65 km tuyến Huyện lộ; 3.594,46 đường liên xã; 140,90 km đường đô thị; 60,10 km đường chuyên dùng.

b) Hệ thống điện lưới: Toàn tỉnh Lào Cai có 1.563 trạm Biến áp từ 0,4 KV - 35 KV, với tổng số đường dây điện lưới từ 35KV đến nhánh rẽ 1 pha là 5.197,28 km. Hệ thống điện lưới được phát triển đồng bộ truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và an sinh của địa phương.

c) Hệ thống công trình thủy lợi, kênh mương: hiện nay, toàn tỉnh có 1.136 hệ thống công trình thủy lợi, gồm: 101 hồ chứa nước với dung tích 13,2 triệu m³; 1.034 hệ thống đập dâng kênh dẫn nước tưới; 4.596 km kênh mương các loại, trong đó (*3.096 km đã được kiên cố hóa đạt 67,3%*); 01 hệ thống trạm bơm điện nhỏ. Hệ thống thủy lợi đã đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho 43.230 ha đất sản xuất nông nghiệp (*33.300 ha lúa; 1.734 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản; 8.196 ha rau màu các loại*) chiếm 97,7% tổng số diện tích vụ Đông xuân năm 2017. Về tiêu chí tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa so với kênh mương cần xây dựng theo quy hoạch đạt trên 50%.

d) Hệ thống cơ sở y tế: Hệ thống cơ sở y tế của tỉnh, gồm: 272 cơ sở, trong đó (*14 bệnh viện, 36 phòng khám, 164 trạm y tế*), với tổng số 3.782 giường bệnh và 3.329 cán bộ. Các trung tâm y tế huyện, trạm y tế cấp xã đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, đặc biệt đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh cho người dân khi có thiên tai xảy ra. Với chương trình kiên cố hóa các cơ sở y tế phòng, chống thiên tai trong những năm gần đây từ các nguồn kinh phí khác nhau; đến nay các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế tuyến huyện, trạm y tế cấp xã đã được kiên cố hóa, chống chịu được mưa, gió lớn; là nơi khám chữa bệnh kết hợp tránh trú mưa bão cho nhân dân địa phương.

đ) Cơ sở Giáo dục và Đào tạo: Toàn tỉnh có 456 trường học phổ thông, trong đó (*246 trường tiểu học; 178 trường Trung học cơ sở; 27 trường Trung học phổ thông; 5 trường trung cấp và cao đẳng*); 201 trường học mầm non. Ngoài ra, tỉnh Lào Cai còn có một số Trung tâm đào tạo nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với trên 188.260 học sinh, trong đó (*51.631 học sinh mầm non; 136.629 học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông*) là đối tượng dễ bị tổn thương do mưa, lũ lụt... và các loại thiên tai khác.

e) Hệ thống Thông tin liên lạc: Mạng lưới bưu chính viễn thông với đủ các loại hình dịch vụ, hệ thống điện thoại cố định, hệ thống mạng điện thoại di động, hệ thống máy thông tin di động sóng ngắn và các hệ thống thông tin chuyên dùng

khác. Đến nay, toàn tỉnh đã có 622.000 thuê bao điện thoại, trong đó (*trên 585.000 thuê bao di động; 71.200 thuê bao internet*). Ngoài ra, còn có 164 trạm phát thanh, đạt 100% số xã; 1.736 loa phát thanh, đạt 78,7% số thôn bản có loa truyền thanh. Với hệ thống thông tin liên lạc nêu trên đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc, đảm bảo phục vụ kịp thời thông tin cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

f) Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Lào Cai đã xây dựng được 11 nhà máy nước tại trung tâm các huyện, thành phố trong toàn tỉnh. Tổng công suất của các nhà máy 32.000m³/ngày đêm. Đối với khu vực nông thôn, đã xây dựng được 986 công trình cấp nước tự chảy tập trung để cấp nước cho 50.250 hộ và trên 33.000 công trình cấp nước nhỏ lẻ gồm giếng đào, giếng khoan, bể chứa nước mạch, nước lã.... Hệ thống cấp nước nông thôn đảm bảo hợp vệ sinh đạt 86,78% dân số. Các công trình nước sạch hiện có trên địa bàn tỉnh đảm bảo được yêu cầu sinh hoạt về nước sạch của người dân khi có thiên tai xảy ra.

7. Nhà ở: Toàn tỉnh có 597.612 nhà ở, trong đó: 334.631 nhà kiên cố (*chiếm 55,99%*); nhà bán kiên cố 147.023 (*chiếm 24,6%*); nhà khung gỗ lâu bền 92.474 (*chiếm 15,47%*); nhà khác 18.604 (*chiếm 3,12%*). Theo kết quả điều tra đánh giá nhanh chỗ ở an toàn tháng 12/2017 tại 164/164 xã, phường, thị trấn; kết quả cho thấy có: 122.278 chỗ ở an toàn (*chiếm 74,1%*); 41.378 chỗ ở kém an toàn (*chiếm 25,07%*); 1.378 chỗ ở phải di dời khẩn cấp (*chiếm 0,83%*). Đây là thách thức rất lớn về đảm bảo nơi ở, sinh kế của người dân và trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

III. Thiệt hại do thiên tai trong 5 năm gần đây (từ 2013 - 3/2018)

1. Năm 2013

- Người bị chết: 26 người (*Bắc Hà 2; Bảo Yên 05 người, Bát Xát 3 người, Sa Pa 13 người; Văn Bàn 03 người*), trong đó: Chết do lũ: 22 người (*Sa Pa 13, Bát Xát 2, Văn Bàn 3, Bảo Yên 4*); chết do sét đánh: 2 người (*Bát Xát 1, Bắc Hà 1*); chết do mưa đá: 2 người (*Bắc Hà 1, Bảo Yên 1*)

- Người bị thương: 81 người (*Bảo Thắng 1; Bảo Yên 19; Mường Khương 30; Bắc Hà 7; Si Ma Cai 5; Sa Pa 19*).

- Nhà bị ảnh hưởng, tốc mái: 16.183 nhà (*Thành phố Lào Cai 576, Bát Xát 1.057, Sa Pa 71, Bảo Thắng 396, Văn Bàn 570, Bảo Yên 2.871, Bắc Hà 2.890, Si Ma Cai 2.981, Mường Khương 4.771*), chuồng trại chăn nuôi bị đổ, tốc mái 65 cái (*Bảo Thắng 5, Văn Bàn 1, Bảo Yên 59*). Tổng số ngôi các loại bị vỡ 1.861.866 viên (*thành phố Lào Cai 5.053; Bát Xát 23.274; Bảo Thắng 10.200; Bắc Hà 409.240; Si Ma Cai 377.799; Mường Khương 1.036.300*). Mái tôn bị hư hỏng 14.118m² (*thành phố Lào Cai 300m²; Bát Xát 250m²; Mường Khương 13.568m²*).

- Ruộng lúa hư hại 172 ha (*Bát Xát 5 ha; Bảo Thắng 62,6 ha; Văn Bàn 16 ha; Bảo Yên 74 ha; Bắc Hà 11,9 ha; Sa Pa 3 ha*). Hoa màu bị thiệt hại: ngô, su su, thảo quả 3.077 ha (*thành phố Lào Cai 01 ha; Bát Xát 1.412 ha; Sa Pa 183 ha; Bảo*

Thắng 355 ha; Văn Bàn 63 ha; Bảo Yên 95 ha; Bắc Hà 232 ha; Mường Khương 736 ha). Cây ăn quả bị gãy đổ 543 ha (*Bắc Hà 533 ha; Si Ma Cai 10 ha*); tại huyện Sa Pa bị thiệt hại 20.000 chậu phong lan. Diện tích chè, thuốc lá, cây lâm nghiệp bị thiệt hại 449 ha (*Bảo Thắng 5 ha; Văn Bàn 10 ha; Bảo Yên 213 ha; Bắc Hà 182 ha; Si Ma Cai 9 ha; Mường Khương 30 ha*). Cây giống lâm nghiệp các loại bị thiệt hại 4.231.600 cây (*Bắc Hà 211.600 cây; Si Ma Cai 20.000 cây; Mường Khương 4.000.000 bầu cây*).

- Trâu, bò, ngựa bị chết 480 con (*Bảo Yên 4; Mường Khương 1; Sa Pa 291; Bát Xát 179; Si Ma Cai 5*). Gia cầm bị chết 1.830 con (*Bảo Thắng 398; Si Ma Cai 1.360, Bảo Yên 25; Bắc Hà 45; Bát Xát 2*). Diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do ngập, tràn bờ 22,4 ha (*Bảo Thắng 8,4 ha; Bảo Yên 13,1 ha; Sa Pa 0,9 ha*); cá hồi bị mất 25 tấn tại xã Bản Khoang, huyện Sa Pa.

- Công trình Trường học, Trụ sở, nhà Văn hoá, Trạm y tế bị tốc mái, hư hỏng 186 công trình (*thành phố Lào Cai 9; Bát Xát 10; Bảo Yên 40; Bắc Hà 50; Si Ma Cai 8; Mường Khương 52; Bảo Thắng 04; Văn Bàn 11; Sa Pa 02*).

- Công trình Thủy lợi bị hư hỏng 9 công trình (*Bảo Yên 03, Văn Bàn 02, Bắc Hà 02, Bảo Thắng 01, Sa Pa 01*).

- Lò sấy thuốc lá hư hỏng: 627 lò (*Mường Khương 547, Si Ma Cai 50, Bát Xát 30*).

- Tài sản bị hư hỏng: 100 chiếc ti vi, máy tính (*huyện Mường Khương*); Ô tô, xe máy hư hỏng 70 chiếc (*Mường Khương 50, Sa Pa 20*).

- Tuyến Quốc lộ bị sạt lở 150.915 m³, mặt đường bị hỏng 15.726 m²; tuyến Tỉnh lộ bị sạt lở 107.084 m³, mặt đường bị hỏng 15.411 m². Công trình hạ tầng (*cầu, cống, cột điện*) bị hư hỏng 31 công trình (*Bát Xát 04, Sa Pa 07, Bảo Thắng 05, Bảo Yên 15*).

- **Ước tổng giá trị thiệt hại: 635 tỷ đồng.**

2. Năm 2014

- Rét đậm, rét hại từ ngày 16/1 đến 20/2 trên địa bàn các huyện Sa Pa, Bát Xát nhiệt độ xuống đến 0⁰C; mưa tuyết xuất hiện với mật độ dày tại các khu vực xã vùng cao của huyện Sa Pa, Bát Xát, nhiều nơi tuyết dày từ 30 - 50cm.

- Mưa, lũ cuốn trôi làm chết 04 người (*Bảo Thắng 03, Văn Bàn 01*). Bị thương 07 người (*Bảo Yên 6; Sa Pa 01*); trong đó 05 người do sét đánh, 01 người do lũ cuốn trôi, 01 người bị đuối nước. Đông sét ngày 20/7 tại xã Xuân Hoà huyện Bảo Yên làm chết 3 người, bị thương 3 người (*do sét đánh*); sập đổ hoàn toàn 15 nhà, 20 nhà bị hư hỏng; trên 1.128 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 555 ha ruộng bị đất vùi lấp. Trâu bò bị chết 700 con (*Bát Xát 185; Sa Pa 482; Bắc Hà 18; Si Ma Cai 5; Bảo Yên 10*); lợn bị chết 48 con; gia cầm chết 1.545 con.

- Lốc xoáy ngày 30/3, 5/4 và ngày 27/4 tại huyện Sa Pa, Mường Khương, Bát Xát làm 20 nhà bị hư hỏng hoàn toàn, 745 nhà bị tốc mái; nhiều diện tích hoa màu bị thiệt hại.

- Nắng nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 6 gây hạn hán nhiều nơi, thiệt hại trên 13.543 ha lúa, ngô và hoa màu.

** Ước tổng thiệt hại: 340 tỷ đồng.*

3. Năm 2015

- Ngày 14 - 15/5, mưa kèm theo dông lốc làm bị thương 02 người. Ngày 11/6 sét đánh làm chết 01 người tại thôn Nậm Rìn, xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên.

- Ngày 5/7 lũ quét cuốn trôi 01 người tại ngàm tràn Piêng Láo, xã Mường Hum, huyện Bát Xát.

- Rét đậm, rét hại ngày 9-12/01 làm chết 193 con gia súc; diện tích rau, hoa bị ảnh hưởng 300 ha (200 ha rau; 100 ha hoa); 60.000 chậu hoa lan tại Sa Pa.

- Dông lốc ngày 9/5 làm sập đổ hoàn toàn 05 nhà, sập đổ 02 bếp; tốc mái hoàn toàn 04 nhà, tốc mái nhẹ 18 nhà và 01 nhà xưởng; 08 ha ngô đang trong thời kỳ bắp non bị gãy đổ.

- Nắng nóng đã làm nhiều diện tích cây trồng bị hạn gồm: Diện tích lúa đã gieo cấy 173 ha (Bắc Hà 88 ha; Mường Khương 85 ha); diện tích ruộng lúa không có nước để gieo cấy 202 ha (huyện Mường Khương); diện tích ngô 1.492 ha (Văn Bàn 600 ha; Bắc Hà 392 ha; Mường Khương 500 ha).

** Ước tổng giá trị thiệt hại: 273 tỷ đồng.*

4. Năm 2016

- Thiệt hại về người: 50 người. Trong đó:

+ Chết: 26 người (TP Lào Cai 04; Bát Xát 05; Sa Pa 01; Bảo Thắng 01; Văn Bàn 11; Bắc Hà 02; Mường Khương 02); trong đó: 13 người chết do sạt lở đất (Văn Bàn 7; Bát Xát 3; Bảo Thắng 2; TP Lào Cai 1); chết do sét đánh 04 người (TP Lào Cai 1; Mường Khương 2; Bắc Hà 1); chết do mưa lũ cuốn trôi 7 người (Bát Xát 2 người; Văn Bàn 4 người; Sa Pa 1); chết do các nguyên nhân trên tai khác 02 người (Bảo Thắng 1; Bắc Hà 1).

+ Mất tích: 8 người (Sa Pa 2 người; Bát Xát 4 người; Văn Bàn 2 người); trong đó: 6 người mất tích do mưa lũ cuốn trôi (Sa Pa 2 người; Bát Xát 4 người); 2 người mất tích do sạt lở đất (huyện Văn Bàn 2 người).

+ Bị thương 16 người (Văn Bàn 1 người; Mường Khương 3 người; Sa Pa 2 người; Bát Xát 5 người; Bảo Thắng 1 người; Văn Bàn 4 người); trong đó: Bị thương do sét đánh 4 người (Mường Khương 3; Văn Bàn 1 người); Bị thương do mưa lũ 8 người (Sa Pa 2 người; Bát Xát 5 người; Bảo Thắng 1 người); Bị thương do sạt lở đất 4 người (Văn Bàn 4 người).

- Thiệt hại về nhà ở: 3.347 nhà ở bị thiệt hại và ảnh hưởng, trong đó (430 nhà phải di chuyển khẩn cấp; 131 nhà bị thiệt hại > 70%; 2.786 nhà bị thiệt hại < 70% và ngập nước).

- Thiệt hại về sản xuất: Diện tích ruộng lúa bị thiệt hại và ngập nước do mưa bão gây ra 9.647 ha, mạ bị thiệt hại 32 ha, rau màu 3.119 ha, 65 chậu hoa cây cảnh

các loại; 132 ha cây trồng lâu năm bị gãy đổ; 70 ha cây trồng hàng năm; 93 ha cây ăn quả; 2.674 ha rừng bị thiệt hại; 7.287 ha cây thảo quả; nhiều cây xanh đô thị bị gãy đổ; 03 tấn hạt giống bị hư hỏng; 118 tấn lương thực bị trôi, ẩm ướt và hư hỏng; 13.758 con gia súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi, trong đó (*Gia súc 3.974 con; 9.784 con gia cầm*); 03 tấn thức ăn gia súc bị cuốn trôi, vùi lấp. 150 ha nuôi thủy sản bị thiệt hại trên 70%. Ngoài ra, trại thủy sản của tỉnh tại xã Quang Kim, huyện Bát Xát bị thiệt hại nặng với giá trị 2.200 triệu đồng.

- Thiệt hại về kết cấu hạ tầng:

+ Về nhà Văn hóa, Giáo dục, Y tế bị hư hỏng: 14 điểm trường; 41 phòng học, phòng chức năng, nhà công vụ, nhà tập thể cho học sinh bán trú bị; 03 cơ sở y tế; 21 cơ sở y tế; 02 nhà văn hóa thôn bản.

+ Công trình Thủy lợi, hồ chứa, nước sạch bị hư hỏng: 101 công trình (*73 công trình thủy lợi, 5 hồ chứa bị; 23 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn*). Nhà máy nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Lào Cai bị hư hỏng nặng.

+ Quốc lộ (*QL 4D; QL 279; QL 4; QL 70...*) sạt lở nhiều điểm với chiều dài 5.829 m; khối lượng đất đá, nhựa, bê tông bị sạt lở 98.815 m³. Đường giao thông cấp tỉnh và cấp huyện bị sạt lở nhiều điểm với chiều dài 30.152 m; khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa bị sạt lở 241.168 m³; 49 cầu, ngầm tràn và 12 cống bị hư hỏng; 14 điểm sạt lở gây ách tắc giao thông.

+ Hệ thống Thông tin liên lạc: Bị cuốn trôi 1.000m cáp đồng, hư hỏng 200 modem GPON, cuốn trôi khoảng 25.000m dây, hư hỏng 01 máy nỏ 10KVA (*tại trạm BTS Quang Kim - Bát Xát*), sét đánh cháy 01 tủ nguồn TP 48.300A (*trạm BTS Suối thầu - Sa Pa*), 9 modul của tủ nguồn và 25 modem; trên 50 cột bê tông lắp dây bị gãy đổ.

- Về Công nghiệp: 51 cột điện trung, cao thế, hạ thế bị hư hỏng; 1.100 m dây điện trung, cao thế, hạ thế bị hư hỏng; 06 máy móc thiết bị công nghiệp bị phá hủy, hư hỏng; 06 công trình Thủy điện bị thiệt hại.

- Các công trình hạ tầng khác bị hư hỏng: 18 công trình (*05 trụ sở cơ quan; 10 chợ thương mại; 03 nhà kho, phân xưởng*).

* **Ước tổng giá trị thiệt hại: 768 tỷ**, tương đương khoảng 2,5% GDP của tỉnh.

5. Năm 2017

- Thiệt hại về người: 11 người. Trong đó:

+ Chết do lũ cuốn trôi: 5 người (Sa Pa 3; Bát Xát 1; Bảo Yên 1).

+ Bị thương 6 người (Sa Pa 2; Mường Khương 2; Si Ma Cai 2); trong đó: bị thương do sạt lở đất 3 người (Si Ma Cai 2; Sa Pa 1); bị thương do đông lốc 3 (Mường Khương 2; Sa Pa 1).

- Thiệt hại về nhà ở: Tổng số 3.992 nhà ở bị thiệt hại và ảnh hưởng; trong đó (*288 nhà phải di dời khẩn cấp; 108 nhà thiệt hại > 70%; 1.485 nhà bị thiệt hại từ 30-70%; 2.111 nhà bị ngập nước và thiệt hại <30%*).

- Thiệt hại về sản xuất: Diện tích ruộng bị thiệt hại 1.123 ha (43 ha ruộng bị sỏi lở vùi lấp; 1.080 ha lúa, mạ bị thiệt hại và ngập nước); 1.417 ha ngô, hoa màu, rau màu; 18 ha cây công nghiệp và cây dược liệu; 171 ha cây trồng hàng năm và cây trồng lâu năm; 02 ha cây ăn quả; 13 ha rừng và cây lâm sản ngoài gỗ; 2.352 con gia súc, gia cầm (1.781 con gia cầm; 571 con gia súc); 23 ha thủy sản; 27 m³ lồng bè nuôi cá.

- Thiệt hại về cơ sở hạ tầng

+ Thiệt hại về Giáo dục, Y tế, Văn hóa, trụ sở cơ quan nhà nước: 43 điểm trường bị thiệt hại và ảnh hưởng; 09 phòng học và nhà công vụ, nhà tập thể; 08 trạm y tế xã; 01 công trình văn hóa; 15 nhà văn hóa thôn bản; 09 trụ sở cơ quan nhà nước bị hư hỏng.

+ Thiệt hại về công trình thủy lợi, kè, nước sạch nông thôn: 51 danh mục công trình thủy lợi bị hư hỏng; 09 công trình kè chống sạt lở bờ sông suối kết hợp với bảo vệ khu dân cư hư hỏng; 1.919 m kénh mương hư hỏng; 1.215 m³ đất đá sạt lở; 04 công trình cấp nước tự chảy bị hư hỏng.

+ Thiệt hại về giao thông:

Quốc lộ 03 tuyến: Sạt lở ta luy dương 75.000m³/300 vị trí; sạt lở ta luy âm 1.200m³/62 vị trí; hư hỏng nền, mặt đường 8.500m²/57 vị trí; đất bùn tràn mặt đường 2.000m³/49 vị trí; đất bùn tràn rãnh 8.600m³/225 vị trí; hư hỏng rãnh thoát nước gia cố 280m/15 vị trí; hư hỏng cống thoát nước ngang 34m/8 vị trí; hư hỏng hộ lan tôn sóng 30m/01 vị trí.

Đường tỉnh 16 tuyến: Sạt lở ta luy dương 101.000m³/64 vị trí; sạt lở ta luy âm 2.300m³/129 vị trí; hư hỏng nền, mặt đường 12.403m²/221 vị trí; đất bùn tràn mặt đường 27.800m³/205 vị trí; đất bùn tràn rãnh 19.200m³/407 vị trí; hư hỏng rãnh thoát nước gia cố 375m/10 vị trí; hư hỏng cống thoát nước ngang 103m/22 vị trí; hư hỏng hộ lan tôn sóng 57m/03 vị trí; chiều dài bị ngập 250 m; điểm đường giao thông bị ách tắc 493 điểm.

Đường huyện, xã 70 tuyến: Sạt lở hàng trăm điểm ta luy dương, ta luy âm và hư hỏng nhiều cầu, cống rãnh, mặt đường. Ngoài ra, mưa lũ làm sạt lở với chiều dài 1.034 m; ngập úng 1.780 m; sạt lở taluy dương 59.822 m³; hư hỏng mặt đường 1.665 m²; cống bị hư hỏng 01 cái; ách tắc giao thông 224 điểm.

+ Thiệt hại về Công nghiệp - Thương mại: 87 cột điện bị gãy đổ hư hỏng; 160 m dây điện bị đứt; 6 trạm biến thế; 6 máy móc công nghiệp bị phá hủy; 01 chợ trung tâm huyện Si Ma Cai.

- Các thiệt hại khác: 06 công trình Quốc phòng; bờ suối biên giới sạt lở 7.070 m³; 34 cây xanh đô thị bị gãy đổ; 81 chậu hoa cây cảnh.

- Ước tổng giá trị thiệt hại năm 2017: 658 tỷ đồng, tương đương 1,82% GDP của tỉnh

6. Thiệt hại 3 tháng đầu năm 2018

- Tổng số nhà bị thiệt hại: 634 nhà, trong đó: Mường Khương 113 nhà; Si Ma Cai: 521 nhà (*Dông lốc ngày 17/3 thiệt hại: 479 nhà; mưa đá ngày 03/3 thiệt hại 155 nhà*).

- Tổng số gia súc bị chết do rét đậm, rét hại gây ra 1.310 con, trong đó (*Trâu 1.144 con; bò 131 con; ngựa 02 con; dê 33 con*).

- Ước tổng giá trị thiệt hại 03 tháng đầu năm 2018 trên 22 tỷ đồng.

Phần II

Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

a) Lồng ghép hoạt động phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Huy động cả hệ thống Chính trị vào cuộc, chủ động phòng ngừa, lấy phòng để chống, lấy phòng để ứng phó; phát huy vai trò, khả năng tự phòng chống, ứng phó thiên tai trong cộng đồng dân cư. Huy động toàn dân, toàn xã hội tham gia công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

c) Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững Kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững.

2. Một số mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, hạn hán, sạt lở đất, rét đậm, rét hại và các hiện tượng khí tượng, thủy văn nguy hiểm khác. Trọng tâm là nâng thời gian, chất lượng dự báo bão, áp thấp nhiệt đới...

b) Hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống dân cư vùng thường xuyên xảy ra thiên tai theo quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt. Quan tâm đặc biệt đến các khu vực dân cư đang sinh sống tập trung trong khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh.

c) Đảm bảo lồng ghép các hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với sự phát triển của các ngành Kinh tế - xã hội. Gắn kết quy hoạch phát triển Kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch ngành với kế hoạch phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để phát triển kinh tế xã hội bền vững.

d) Bảo đảm các quy hoạch phát triển, quy chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và khu dân cư trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai.

đ) Đảm bảo 70% cán bộ chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ, làm việc

chuyên nghiệp về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; trên 40% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

e) Chỉ đạo phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó kịp thời khi có tình huống cấp bách xảy ra; bảo đảm việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

g) Bảo đảm an toàn cho các hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn gần khu dân cư tập trung hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hoá, công trình quốc phòng, an ninh quan trọng.

II. Các loại hình thiên tai thường xảy ra và phạm vi ảnh hưởng

1. Các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh: Theo thống kê hàng năm và ghi nhận, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian 10 năm trở lại đây (từ năm 2007 - 2017) trên địa bàn tỉnh Lào Cai thường xảy ra các loại hình thiên tai, gồm: Áp thấp nhiệt đới; lốc; sương muối; rét hại; mưa tuyết; mưa lớn; mưa đá; sét; ngập lụt; lũ, lũ quét; sạt lở đất; sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; nắng nóng; hạn hán; Trong đó, mưa và giông lốc là loại hình thiên tai có thiệt hại lớn nhất.

2. Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

III. Nhận định về thời tiết khí hậu năm 2018

1. Nhận định chung:

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, dự báo diễn biến thời tiết trong năm 2018 có rất nhiều phức tạp, nhiều loại thiên tai bất thường, khó lường, tần suất xuất hiện ngày càng nhiều và nghiêm trọng hơn. Sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu do hiện tượng El Nino, Lanina và sự gia tăng các cơn bão nhiệt đới, hạn hán, lốc, xoáy, mưa đá, giông tố... trong tương lai được dự báo có xu thế gia tăng khốc liệt hơn.

- Hiện tượng Lanina đang có dấu hiệu suy yếu dần và khả năng còn kéo dài đến khoảng tháng 5/2018, sau sẽ chuyển sang pha trung tính (Enso), có thể hoạt động đến giữa và cuối năm 2018. Với dự báo khí hậu ở trạng thái Enso kéo dài đến hết năm 2018; theo đó, tình hình thời tiết mùa mưa lũ năm 2018 tại miền Bắc nói chung và Lào Cai nói riêng khả năng diễn biến phức tạp và khó lường. Khả năng các hiện tượng thiên tai nguy hiểm như: Hoàn lưu bão xa, các đợt mưa to sinh lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất sẽ xảy ra với tần suất cao và liên tục trên hầu khắp các địa phương trong tỉnh.

2. Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Số lượng bão, ATNĐ hoạt động trên khu vực biển Đông và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta trong năm 2018 có khả năng tương đương so với trung bình nhiều năm (TBNN), cụ thể sẽ có khoảng 5-6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền. Tại Lào Cai khả năng chịu ảnh hưởng gián tiếp của hoàn lưu 1-2 cơn bão hoặc ATNĐ. Dù xuất hiện ít hơn giá trị TBNN

nhưng bão với cường độ mạnh sẽ xuất hiện nhiều hơn. Hoàn lưu bão ảnh hưởng rộng hơn.

3. Mưa lớn, lũ lụt: Mùa mưa lũ năm 2018 khả năng sẽ diễn biến phức tạp; Lũ xuất hiện tương đương hoặc nhiều hơn mùa mưa năm 2017. Đỉnh lũ trên các sông suối trong khu vực phổ biến ở mức báo động II đến báo động III. Một số sông suối nhỏ có nơi cao trên báo động III, làm gia tăng các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt tại các huyện vùng cao. Tổng lượng mưa cả mùa ở mức cao hơn TBNN. Dự báo tháng 5/2018 mưa giảm, tháng 6, 7 và 8/2018 mưa nhiều; tháng 9 và 10/2018 mưa lại có xu thế bị thiếu hụt so với TBNN trước.

4. Nắng nóng và nhiệt độ: Mùa hè năm 2018, nắng nóng xuất hiện ở mức vừa phải, cường độ tăng dần chứ không đột ngột, khả năng ít xảy ra những đợt nắng nóng gay gắt. Trung bình cả mùa hạ có khoảng 6-8 đợt nắng nóng xảy ra, nắng nóng trên diện rộng xuất hiện muộn hơn so với TBNN. Tuy nhiên, mức độ nắng nóng không gay gắt và không kéo dài như mùa hè năm 2017. Nền nhiệt độ trung bình toàn mùa mưa lũ ở mức xấp xỉ bằng giá trị TBNN trước.

5. Thủy văn: Nguồn nước trên các sông suối trong tỉnh tháng cuối mùa cạn (tháng 4) tiếp tục ổn định và ở mức xấp xỉ TBNN. Lũ tiểu mãn (lũ đầu mùa) khả năng xảy ra đúng quy luật, đỉnh lũ nhỏ hơn so với TBNN. Mùa mưa lũ năm 2018, khả năng xuất hiện đúng quy luật hàng năm. Trên sông Hồng tại Lào Cai khả năng có 5-6 trận lũ, trong đó khoảng 2 trận lũ đạt cấp báo động cấp I trở lên. Trên sông Chảy tại Bảo Yên khả năng xảy ra từ 5-7 trận lũ, trong đó có từ 2-3 trận lũ từ xấp xỉ báo động cấp I trở lên. Đỉnh lũ cao nhất năm trên sông Hồng tại Lào Cai có khả năng trên báo động II (tại trạm thủy văn Lào Cai là 82,00m). Đỉnh lũ cao nhất năm 2018 trên sông Chảy tại Bảo Yên có khả năng đạt mức báo động III (tại trạm thủy văn Bảo Yên: 75,00m). Đỉnh lũ năm 2018 có khả năng xuất hiện vào khoảng nửa cuối tháng 8. Năm 2018, mưa lớn cục bộ khả năng xuất hiện nhiều hơn. Có thể xuất hiện lốc xoáy, gió giật mạnh, sét đánh, sạt lở đất ở các vùng đồi núi, lũ quét, lũ lên nhanh, bất ngờ trên các sông suối nhỏ.

IV. Kế hoạch phòng, chống

Đề chủ động trong công tác phòng chống, ứng phó và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2018. UBND tỉnh ban hành “*Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai*” như sau:

1. Về nhà ở: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống thiên tai tới người dân. Đặc biệt, đối với những người dân trong vùng có nguy cơ bị thiên tai, đi lại khó khăn, khả năng tự phòng tránh và ứng phó với thiên tai còn hạn chế. Xây dựng các nhà ở kiên cố, thường xuyên chăm chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng mưa bão, áp thấp nhiệt đới, giông lốc... Những nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có bão, áp thấp nhiệt đới. Toàn tỉnh hiện có 147.023 nhà bán kiên cố, chiếm 24,6%; nhà khung gỗ nâu bền 92.474 chiếm 15,47%; nhà khác 18.604 chiếm 3,12% tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Theo kết quả điều tra đánh giá nhanh chỗ ở an toàn tỉnh Lào Cai có: 122.278 chỗ ở an toàn, tỷ lệ 74,1%; 41.378 chỗ ở kém an toàn, tỷ lệ 25,07%; 1.378 chỗ ở phải di dời khẩn cấp, tỷ lệ 0,83%. Đây là thách thức rất lớn về an sinh xã hội trong công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Vì vậy, phải chỉ đạo quyết liệt rà soát sắp xếp di chuyển khẩn cấp các hộ dân đang sinh sống trong khu vực thiên tai nguy hiểm, nhất là các hộ dân đang có nguy cơ bị lũ ống, lũ quét, trượt sạt lở đất. Cần đổi bố trí nguồn lực di chuyển kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Tiếp tục rà soát các hộ dân đang sống trong vùng thiên tai nguy hiểm để có kế hoạch di chuyển sắp xếp ổn định. Đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân không chịu sơ tán, cố thủ thì tổ chức cưỡng chế sơ tán. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư mới, sửa chữa, nâng cấp công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư nơi ở mới, đảm bảo các điều kiện sản xuất để các hộ dân, yên tâm định cư ổn định cuộc sống; tổ chức tập huấn, tuyên truyền các kỹ năng về phòng, tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho người dân. Khi xảy ra mưa dông, lốc xoáy, sạt lở đất... các hộ dân cần chủ động sơ tán trước về nơi trú tránh an toàn, như trụ sở UBND cấp xã, các cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế nơi gần nhất...

2. Về nông, lâm nghiệp

a) Về nông nghiệp:

- *Hạn hán:* Nghiên cứu tuyển lựa giống cây trồng có nhiều khả năng chống chịu hạn; xây dựng mới những hồ chứa có dung tích thích hợp nhằm tăng cường dòng chảy kiệt cho các hệ thống sông, suối. Xây dựng mới và nâng cấp các công trình tưới tiêu, giành thế chủ động tưới tiêu cho 30.730 ha đất trồng lúa và đảm bảo duy trì nguồn nước ổn định cho 1.901 ha đất nuôi trồng thủy sản. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt; tưới tiêu tiết kiệm nước; xây dựng đồng ruộng có khả năng tăng cường giữ nước trong đất. Chuyển đổi diện tích lúa bị hạn sang trồng cây màu để đảm bảo an sinh cho người dân. Thực hiện các biện pháp chống hạn theo Quyết định số 5921/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh.

- *Rét đậm, rét hại:* Toàn tỉnh hiện có 722.423 con gia súc, trong đó (150.981 con trâu, bò), 3.701.000 con gia cầm. Để phòng, chống rét đậm, rét hại cần phải sưởi ấm, giữ ấm chuồng nuôi; không cho trâu, bò làm việc ngoài đồng trong những ngày nhiệt độ ngoài trời dưới 13⁰C. Thường xuyên giữ chuồng trại khô ráo, cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống, nhất là thức ăn thô xanh cho đàn trâu, bò. Cùng với chống rét, cần duy trì và thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường. Đối với sản xuất thủy sản cần thực hiện bổ sung nguồn nước cho ao nuôi bảo đảm độ sâu từ 2m trở lên; trong thời gian rét đậm, rét hại không kéo lưới kiểm tra thủy sản, không thu hoạch để tránh xây xát cá. Đối với trồng trọt, người dân cần tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, áp dụng biện pháp ngâm ủ hạt giống, gieo mạ đúng kỹ thuật, sử dụng nilon che phủ cho mạ mới gieo, giữ nước trong ruộng mạ, bón phân, chăm sóc, giữ ẩm, ấm, bảo đảm đủ lượng kali. Đối với rau màu nếu bị thiệt hại do rét đậm, rét hại nên tận thu và chuẩn bị nguồn hạt giống để gieo bổ sung khi thời tiết thuận lợi. Luôn luôn đảm bảo khối lượng giống, vật tư, phục hồi sản xuất sau thiên

tai/1 năm. Chủ động xây dựng phương án phòng chống rét cho cây trồng vật nuôi ngay từ đầu vụ rét.

Khối lượng giống, vật tư dự trữ đảm bảo phục hồi sản xuất

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn vị chịu
1	Lúa giống	tấn	50	Trung tâm giống
2	Ngô giống các loại	tấn	70	
3	Phân bón các loại	tấn	2.000	Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp
4	Phân NPK	tấn	1.000	
5	Phân URÊ	tấn	800	
6	Phân bón loại khác	tấn	200	

b) Về Lâm nghiệp: Để duy trì nguồn nước ổn định, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế sới mòn, rửa trôi đất, trong năm 2018, thực hiện trồng rừng 6.000 ha; khoán bảo vệ rừng 175.054 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng 6.800 ha; tiếp tục bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có chưa được đầu tư; nâng độ che phủ của rừng toàn tỉnh lên 54% trong năm 2018.

3. Năng lực cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

a) Hệ thống dự báo khí tượng thủy văn

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 18 trạm Khí tượng thủy văn; 33 trạm đo mưa; 02 hệ thống cảnh báo sớm thiên tai do Viện quản lý Thiên tai Hàn Quốc tài trợ. Để đảm bảo công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai trong năm 2018, phải xây dựng Kế hoạch lắp đặt hệ thống đo mưa tự động, trong đó dự kiến lắp đặt 02 trạm quan trắc thời tiết tự động để đáp ứng thông tin dự báo về diễn biến thời tiết, tình hình bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ và các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm khác xảy ra ảnh hưởng tới địa các phương. thông tin kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân chủ động phòng, tránh. Chỉ đạo các Nhà máy thủy điện sử dụng phần mềm tin nhắn để thông tin, tình hình xả lũ đến các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp để chỉ đạo kịp thời và thông báo cho người dân vùng hạ du phòng tránh, hạn chế thấp nhất thiệt hại do việc xả lũ gây ra.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo đo mưa tự động có kết nối tích hợp với CSDL, hệ thống thông tin số của tỉnh để phục vụ công tác cảnh báo sớm các hiện tượng khí hậu, thời tiết cho nhân dân chủ động, phòng tránh.

b) Hệ thống công trình thủy lợi, kênh mương, ao hồ: Rà soát toàn bộ hệ thống kênh mương, các công trình thủy lợi để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp kịp thời nhằm đảm bảo tiêu thoát lũ và chống sạt lở đất trong mùa thiên tai. Nâng cấp kiên cố các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, kè chống sạt lở bờ sông, suối phòng lũ lụt. Đối với các hồ, đập, các công trình thủy lợi bị hư hỏng hoặc có nguy cơ bị hư hỏng phải xây dựng kế hoạch huy động mọi nguồn lực sửa chữa khắc phục đảm bảo an toàn. Xây dựng các mô hình tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, vùng sản xuất cây trồng có năng suất cao; duy trì nguồn nước tưới tiêu ổn định, khắc phục hạn hán, phòng chống thiên tai.

- Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương năm 2018, đạt: 68%; tăng 1,23% so với năm 2017.

- Tỷ lệ diện tích tưới chủ động: Vụ Đông Xuân 98% tổng diện tích gieo cấy; Vụ Mùa 86% tổng diện tích gieo cấy.

- Kiểm tra rà soát toàn bộ ao, hồ, đập do các hộ dân tự xây đắp trên địa bàn toàn tỉnh; nếu ao, hồ, đập không đảm bảo an toàn thông báo ngay cho hộ dân sửa chữa, khắc phục và có các biện pháp phòng, tránh; không để xảy ra thiệt hại từ các ao, hồ, đập do các hộ dân tự xây đắp.

c) Hệ thống đường giao thông: Giao thông đường bộ phải đảm bảo xuyên suốt từ các tuyến quốc lộ đến tỉnh lộ đến giao thông nông thôn và cả vùng sâu, vùng xa để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai. Phát huy hiệu quả đường giao thông hiện có 5.705,76 km; tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường QL, TL, đường huyện và GTNT nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống, ứng phó thiên tai. Chủ động vật tư, phương tiện kịp thời khắc phục những công trình bị hư hỏng, sạt lở, ngập úng, nhất là các điểm ngầm tràn, cầu cống gây ách tắc, chia cắt đảm bảo giao thông xuyên suốt.

d) Hệ thống cung cấp nước sạch: Phát huy hiệu quả sử dụng 1.024 công trình nước sạch sinh hoạt tập trung để đảm bảo cấp nước cho khoảng 586.841 người dân, đạt trên 85,7% dân số toàn tỉnh. Đây là cơ sở hạ tầng quan trọng trong công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai; UBND các huyện, thành phố cần đảm bảo an toàn công trình cấp nước, các tuyến ống cấp nước, các giếng khoan khai thác nước ngầm khi mưa bão, lũ lụt thiên tai xảy ra. Đẩy mạnh công tác thu tiền sử dụng nước từ các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn để đáp ứng được nhu cầu quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình của các địa phương.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2018: 88%.

- Tỷ lệ số công trình cấp nước sinh hoạt thu được tiền nước năm 2018: 50%.

- Đẩy mạnh thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi trên địa bàn tỉnh phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần kiên cố hóa hệ thống công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

đ) Hệ thống điện: Thường xuyên duy tu, sửa chữa đường dây điện không đảm bảo an toàn và từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây điện, nhất là ở khu vực đông dân cư. Xây dựng mới 02 trạm biến áp 110 KV với tổng công suất 41MVA; cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất 06 trạm biến áp 110KV với tổng công suất 169MVA. Xây dựng mới 02 đường dây 110KV với tổng chiều dài 16 km; cải tạo nâng khả năng tải 02 đường dây 110 KV mạch kép với chiều dài 16,5 km đáp ứng nhu cầu điện sản xuất, sinh hoạt, phòng chống giảm nhẹ thiên tai lồng ghép với phát triển kinh tế - xã hội.

e) Hệ thống cơ sở y tế: Toàn tỉnh hiện có 3.782 giường bệnh (2.502 giường bệnh tuyến huyện và tỉnh; 460 giường bệnh của phòng khám đa khoa khu vực; 820 giường bệnh của trạm y tế cấp xã). Để đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho người

dân và đáp ứng công tác phòng, chống thiên tai cần phải xây dựng hệ thống y tế tỉnh Lào Cai từng bước hiện đại, đồng bộ, hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện đến xã, phường, thị trấn theo hướng hiện đại, hiệu quả, chất lượng đáp ứng nhu cầu khi thiên tai xảy ra. Đầu tư mua sắm các trang thiết bị y tế hiện đại, các phương tiện phục vụ cấp cứu, khám chữa bệnh để phục vụ khám chữa bệnh và ứng cứu khi có thiên tai. Củng cố, phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc đạt các tiêu chuẩn; chủ động cung ứng đủ thuốc có chất lượng để chữa bệnh và cứu nạn cho nhân dân khi xảy ra thiên tai. Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, phụ nữ, các đối tượng dễ bị tổn thương để triển khai thực hiện khi bị ảnh hưởng do thiên tai.

f) *Cơ sở giáo dục và đào tạo*: Trường học kiên cố sẽ đảm bảo an toàn cho học sinh trong mùa mưa bão, đồng thời là nơi tránh trú an toàn cho người dân khi có thiên tai xảy ra. Vì vậy, cần phải huy động mọi nguồn lực và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục nhằm bảo đảm hoàn thành chương trình mục tiêu kiên cố hoá trường, lớp. Tỉnh Lào Cai hiện có 456 trường học phổ thông và một số trung tâm dạy nghề. Để đảm bảo phòng chống, ứng phó thiên tai phải thường xuyên củng cố sửa chữa trường học, lớp học, xây dựng mới để đảm bảo công tác dạy và học đồng thời là nơi tránh trú khi có thiên tai xảy ra. Đối với 210 phòng học tạm của 201 trường mầm non cần phải được xây dựng kiên cố để đảm bảo an toàn khi có mưa lớn, lốc xoáy... xảy ra.

g) *Hệ thống thông tin liên lạc*: Hiện nay toàn tỉnh có 622.000 thuê bao điện thoại, trong đó 585.000 thuê bao di động; 71.200 thuê bao internet. Ngoài ra còn có 164 trạm phát thanh, đạt 100% số xã; 1.736 loa phát thanh, đạt 78,7% số thôn bản có loa truyền thanh. Đây là công cụ hỗ trợ rất đắc lực trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đồng thời là phương tiện thông tin tuyên truyền, dự báo, cảnh báo thiên tai cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng, tránh, ứng phó với thiên tai. Vì vậy, cần nâng cao năng lực hệ thống viễn thông, truyền thanh, truyền hình hiện có. Thường xuyên duy tu, sửa chữa đường dây viễn thông không đảm bảo an toàn và từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây viễn thông, nhất là ở khu vực đông dân cư. Tăng cường xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm phục vụ các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp, đảm bảo kịp thời thông suốt khi thiên tai xảy ra; phấn đấu 100% số hộ trên toàn tỉnh được nghe đài và xem truyền hình. Lồng ghép và thực hiện tốt các hoạt động phòng, chống thiên tai vào Đề án thí điểm đô thị thông minh tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018-2025.

4. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Tiếp tục thực hiện tốt Đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*” theo Đề án số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009; Thực hiện tốt Quyết định số 1041/2014/QĐ-TTg ngày 24/6/2014; Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015; Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong năm 2018, tổ chức các lớp tập huấn triển khai Luật PCTT, Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014, Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và một số văn bản về lĩnh vực PCTT cho đối tượng là cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai có khả năng làm việc chuyên nghiệp cao; có đủ trình độ kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức 06 đêm truyền thông tại cộng đồng trong năm 2018, trong đó mỗi xã 01 thôn, mỗi huyện 02 xã truyền thông về “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.

5. Các vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất: Trong năm 2018, xây dựng hệ thống cảnh báo, phân tích sạt lở đất trên địa bàn tỉnh để cảnh báo sớm và phục vụ công tác quy hoạch của các ngành, quy hoạch dân cư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Chú trọng quan tâm đến 445 điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở đất và 7 điểm lũ quét trên địa bàn tỉnh để có biện pháp cảnh báo, phòng tránh kịp thời khi mưa, bão. Tiếp tục tổ chức chỉ đạo rà soát các điểm có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét trên địa bàn tỉnh để thông báo cho người dân phòng, tránh kịp thời; đồng thời, có giải pháp khắc phục lâu dài, đảm bảo an toàn khi có thiên tai.

Lập và thực hiện Kế hoạch xây dựng hệ thống cảnh báo lũ sớm trên hệ thống sông, suối; kết nối tích hợp với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin số của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025

(Chi tiết tại phụ biểu 02)

6. Lồng ghép các hoạt động để phòng, chống thiên tai: Các sở, ngành, các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao về quy hoạch tổng thể, từng dự án cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội.

7. Nhân lực phòng, chống, ứng phó với thiên tai

a) Nguồn nhân lực: Được huy động từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Biên Phòng; Công an tỉnh; các sở, ngành, đoàn thể; các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; dân quân tự vệ; thanh niên xung kích; các doanh nghiệp; tình nguyện viên trên địa bàn tỉnh.

b) Về lực lượng: Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng huy động để đáp ứng yêu cầu ứng cứu kịp thời khi có thiên tai xảy ra; dự kiến huy động được từ các sở, ngành, đoàn thể, dân quân tự vệ, thanh niên xung kích, tình nguyện viên, các đơn vị, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn tham gia công tác phòng, chống, ứng phó khi xảy ra thiên tai luôn luôn đảm bảo duy trì khoảng 10.590 người, trong đó: Lực lượng vũ trang (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh): 1.550 người; các sở, ngành, huyện, thành phố, Doanh nghiệp 1.240 người; các xã, phường, thị trấn 7.800 người (*Bình quân 48 người/xã*) gồm:

+ Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu 3.177 người (*BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 465 người; các sở, ngành huyện, thành phố, Doanh nghiệp 369 người; các xã, phường, thị trấn 2.340 người*).

+ Lực lượng huy động 7.413 (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh tỉnh: 1.085 người; các sở, ngành, huyện, thành phố, Doanh nghiệp 861 người; các xã, phường, thị trấn 5.460 người (*Bình quân 33 người/xã*).

Tùy theo tính chất và tình hình diễn biến, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương phù hợp và theo yêu cầu.

(Chi tiết tại phụ biểu 03)

8. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, lương thực, thực phẩm, nhiên liệu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai

a) Phân công trách nhiệm huy động lực lượng, trang thiết bị, lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, vật tư Y tế, vật tư nông nghiệp: Giao các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công huy động đảm bảo khối lượng trong năm 2018 để ứng phó với thiên tai.

b) Nguồn phương tiện, vật tư, trang thiết bị hiện có trên địa bàn tỉnh để phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: 14.832 chiếc (*xe cứu hộ PCCCR 01; xe chữa cháy 09; ô tô phục vụ BVR-PCCCR 13; xuồng các loại 17; nhà bạt các loại 216; phao các loại 3.357; trang thiết bị khác 11.219 cái*). Căn cứ tình hình thực tế và loại hình thiên tai, mức độ ảnh hưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động phương tiện, vật tư, trang thiết bị ứng cứu phù hợp. Ngoài ra, rà soát, đánh giá chất lượng, số lượng trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện có để đề xuất nhu cầu trang cấp mới nhằm đảm bảo đáp ứng công tác ứng phó với sự cố, thiên tai xảy ra trong năm 2018.

(Chi tiết tại phụ biểu 04 kèm theo)

9. Nguồn lực tài chính dự phòng và ưu tiên theo lĩnh vực phòng, chống thiên tai

a) Nguồn ngân sách: Chủ động bố trí các nguồn, như: Ngân sách dự phòng các cấp, quỹ PCTT và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. UBND tỉnh trích nguồn dự phòng và quỹ PCTT để mua sắm đầu tư, trang thiết bị phòng, chống thiên tai, khắc phục sự cố khẩn cấp các công trình thiệt hại do thiên tai gây ra; đầu tư, trang bị và những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác thông tin phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “4 tại chỗ”; sửa chữa, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai bị hư hỏng nhằm phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai.

b) Huy động nguồn lực khác: Kêu gọi, vận động các nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân để tăng nguồn tài chính đảm bảo phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

c) Nhu cầu kinh phí thực hiện công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai trong năm 2018

Tổng kinh phí thực hiện (dự kiến) 60.095 triệu đồng, trong đó ưu tiên phân bổ vốn đầu tư theo thứ tự dưới đây:

TT	Kế hoạch ưu tiên	Vốn (Triệu đồng)
1	Thực hiện Đề án 1002 (Nguồn kinh phí: Quỹ PCTT tỉnh)	650
2	Xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình PCTT như: Thủy lợi, kè bảo vệ khu dân cư, nước sinh hoạt (Nguồn kinh phí: Lồng ghép)	30.000
3	Sắp xếp dân cư thiên tai (Bao gồm cả các dự án SXDC tập trung đã có quyết định đầu tư của UBND tỉnh; Nguồn NS tỉnh và các nguồn hợp pháp khác).	25.129
4	Kết nối các trạm đo mưa tự động với hệ thống cảnh báo sớm thiên tai (Đã có kế hoạch của UBND tỉnh; Nguồn: Quỹ PCTT tỉnh).	1.200
5	Lắp đặt các thiết bị phòng họp trực tuyến (Nguồn: Quỹ PCTT tỉnh; đã có chủ trương của UBND tỉnh).	452
6	Các hoạt động ứng phó thiên tai khác	500
7	Xây dựng “Phần mềm phân tích, quản lý, giám sát cảnh báo và dự báo thiên tai phục vụ công tác cảnh báo, phòng chống thiên tai tỉnh Lào Cai” (Nguồn: Quỹ PCTT tỉnh).	3.182
	Cộng	60.095

d) Nguồn kinh phí: Trung ương hỗ trợ, Ngân sách tỉnh, Quỹ phòng, chống thiên tai; Ngân sách huyện, xã; các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Ngoài các nguồn kinh phí trên, các sở ban ngành, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, các Doanh nghiệp, các cơ quan đơn vị lồng ghép nguồn kinh phí đầu tư phát triển theo kế hoạch UBND tỉnh giao và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai cho năm 2018.

V. Giải pháp thực hiện

1. Huy động cả hệ thống Chính trị vào cuộc, xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai có tính chuyên nghiệp cao từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Huy động toàn dân, toàn xã hội tham gia công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Huy động mọi nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn Chương trình mục tiêu, vốn ODA, vốn bảo trì công trình, vốn ngân sách dự phòng, vốn vận động ủng hộ, tài trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác trong phát triển kinh tế - xã hội để hỗ trợ, đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Vận động các hộ gia đình chủ động phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, không trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Có chính sách khuyến khích huy động nguồn lực trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

5. Lập quy hoạch, kế hoạch, phân vùng, đánh giá nguy cơ rủi ro thiên tai để từ đó có chính sách phù hợp cho những khu vực trọng điểm làm cơ sở cho việc chủ động phòng tránh; ban hành các quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình đảm bảo an toàn trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

6. Hàng năm, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở các cấp, các ngành, từ tỉnh đến huyện đến xã. Rà soát, bổ sung hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động, cơ chế phối hợp của các Ban Chỉ huy phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

7. Thực hiện chính sách xã hội hoá đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó: tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch, quản lý và giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án tại địa phương. Có chính sách ưu tiên và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng. Xây dựng năng lực tự phòng ngừa thiên tai, phát huy truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách trong cứu trợ thiên tai. Tổ chức lực lượng ứng phó tự nguyện tại cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn kịp thời, hiệu quả. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả.

9. Xây dựng phương án phòng, chống rét, phương án chống hạn. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc thù thiên tai của từng địa phương thích ứng với Biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư trồng rừng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn để hạn chế sới mòn rửa trôi sạt lở đất.

10. UBND tỉnh giao quyền chủ động cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp vào lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Bố trí kinh phí đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực quản lý, thực hiện các dự án xây dựng mới, nâng cấp, tu bổ các công trình, các dự án quy hoạch, các dự án tăng cường trang thiết bị dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào việc đầu tư tài chính cho sự nghiệp phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tiến hành các hoạt động nhân đạo và từ thiện đối với vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

11. Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và lực lượng nhân dân địa phương; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn lồng ghép vào diễn tập quốc phòng. Chú trọng bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt; nâng cao khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; coi trọng kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của người dân bản địa, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

12. Cùng cố và nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi, kênh mương; rà soát quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi nâng cao khả năng thoát lũ; hoàn thiện quy trình vận hành hồ đập để sử dụng đa mục tiêu, đặc biệt là các hồ chứa lớn tham gia điều tiết cắt giảm lũ và cấp nước trong mùa kiệt cho sinh hoạt, sản xuất.

Phần III

Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các cấp, các ngành

I. Cơ cấu tổ chức

1. Cấp tỉnh: Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh được kiện toàn tại Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 23/01/2017, gồm 29 đồng chí, trong đó (*Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 01 đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách chung; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT làm Phó ban Thường trực phụ trách công tác phòng, chống thiên tai; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh làm Phó ban phụ trách công tác tìm kiếm cứu nạn và 25 đ/c là thủ trưởng các, cơ quan, đơn vị, các tổ chức Hội, đoàn thể tỉnh*). Thực hiện nhiệm vụ đã được Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công tại Thông báo số 10/TB-BCH ngày 23/01/2017. Hoạt động theo quy chế phối hợp tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh.

2. Cấp huyện và cấp xã: Trên cơ sở cơ cấu tổ chức cấp tỉnh; cấp huyện, cấp xã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 do Chủ tịch UBND huyện, xã làm Trưởng ban; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT (*phòng Kinh tế*) làm Phó Trưởng Ban; các thành viên là Trưởng các phòng, ban liên quan. Trên cơ sở Kế hoạch PCTT giai đoạn 2016 - 2020, rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

II. Nhiệm vụ của các sở ngành, các địa phương

Để thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 với phương châm "*Giảm thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của nhà nước và nhân dân; phát triển bền vững kinh tế - xã hội; ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng, an toàn xã hội*". UBND tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các địa phương như sau:

Các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: Thực hiện theo đúng Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công tại Thông báo số 10/TB-BCH ngày 23/01/2017. Thực hiện tốt quy chế phối hợp tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ Thường trực của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn bộ máy Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn các địa phương kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án phòng, chống ứng phó với thiên tai; các phương án phòng chống rét, hạn, chuyển đổi cây trồng, mùa vụ; rà soát các hồ, đập, các điểm xung yếu để có biện pháp xử lý. Hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành điều chỉnh Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Là đầu mối điều phối các quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt các yêu cầu, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai. Chủ động tham mưu đề xuất cơ chế chính sách, kế hoạch khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh với các Bộ, Ngành Trung ương; xây dựng kế hoạch phục hồi sản xuất, ổn định đời sống dân cư; đề xuất phân bổ vật tư nông nghiệp cho nông dân. Tổng hợp báo cáo tình hình thiệt hại; xây dựng phương án hỗ trợ sản xuất theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày của Chính phủ.

- Trên cơ sở quy định về quản lý, bảo vệ an toàn đập hồ chứa nước được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016, chỉ đạo các Công ty, nhà máy thủy điện xây dựng cụ thể hóa quy trình điều tiết hồ chứa, quy trình xả nước trước khi xuất hiện mưa, lũ nhằm bảo đảm an toàn hồ chứa và vùng hạ du nhưng vẫn đảm bảo quy trình tích trữ nước phục vụ tưới tiêu phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực để thực hiện công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Chỉ đạo và triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020. Sẵn sàng chi viện, hỗ trợ cho các địa phương lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn đảm bảo lực lượng quân đội là lực lượng nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện, diễn tập tìm kiếm cứu nạn lồng ghép với huấn luyện Quân sự sát với yêu cầu nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Sẵn sàng hỗ trợ, chi viện lực lượng, phương tiện ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhất là khu vực Biên giới, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực Biên giới, cửa khẩu khi có thiên tai xảy ra; huy động lực lượng tham gia các cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai cùng với địa phương.

4. Văn phòng UBND tỉnh: Căn cứ Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch PCTT năm 2018, đôn đốc các sở, ngành, các cơ quan đơn vị thực hiện; phối hợp

với cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổng hợp báo cáo kịp thời UBND tỉnh, Chính phủ các Bộ, ngành Trung ương.

5. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực phòng, chống thiên tai theo quy định; cập nhật kịp thời thông tin tình hình thiên tai, thời tiết khí hậu, thủy văn; dự báo cảnh báo cho các địa phương, đơn vị thực hiện các biện pháp phòng chống; tổng hợp tình hình công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả; lập báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết; giải quyết các công việc theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Phối hợp với Đài khí tượng thủy văn, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh xây dựng các bản tin cảnh báo về tình hình mưa, lũ và thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, BCH phòng, chống thiên tai tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản, quyết định, công điện, thông báo và các văn bản khác kịp thời triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Căn cứ Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt và kế hoạch PCTT năm 2018 phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương triển khai chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch. Tham mưu cho Ban Chỉ huy biện pháp huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện để phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; kiểm tra đôn đốc, đề xuất biện pháp đầu tư sửa chữa công trình bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra; tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập; tham mưu lập kế hoạch cấp các phương tiện, trang thiết bị, các nguồn lực cứu trợ, tài trợ cho các địa phương.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, quy định về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Là đầu mối xây dựng, tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Xây dựng kế hoạch thu nộp Quỹ PCTT năm 2018; đôn đốc thu nộp quỹ PCTT để tăng nguồn tài chính đầu tư cho các hoạt động phòng chống, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai.

6. Công an tỉnh: Chủ động xây dựng kế hoạch bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội vùng bị thiên tai; tham gia cứu hộ, cứu nạn; bố chỉ lực lượng phân luồng giao thông, hướng dẫn giao thông các khu vực bị thiên tai, nhất là các khu vực cầu, ngầm tràn, sạt lở đất, sụt lún đất.

7. Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Lào Cai: Theo dõi chặt chẽ, cập nhật, xử lý kịp thời thông tin về tình hình diễn biến thời tiết khí hậu; dự báo sớm diễn biến thời tiết khí hậu, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan nguy hiểm. Cung cấp kịp thời các bản tin dự báo thời tiết cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai để cảnh báo cho các cấp, các ngành, các địa phương và người dân phòng, tránh.

8. Sở Công thương: Phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo vận hành điều tiết các hồ chứa thủy điện đúng quy trình, bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du

trong mùa mưa lũ. Kiểm tra rà soát phương án bảo đảm an toàn các bãi thải, các khu vực mỏ, hầm lò khai thác khoáng sản; chủ động xử lý và có phương án đảm bảo an toàn công trình, khu dân cư lân cận, nhất là trong các tình huống xảy ra mưa, lũ lớn.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố chuẩn bị quỹ đất để di chuyển sắp xếp dân cư ra khỏi khu vực thiên tai nguy hiểm. Hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh môi trường. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra xử lý cá nhân, đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản vi phạm các quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

10. Sở Giao thông Vận tải: Lập kế hoạch đảm bảo giao thông thông suốt cho người và các phương tiện khi có sự cố thiên tai xảy ra; chuẩn bị đầy đủ vật tư, bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu, khắc phục khi có sự cố thiên tai. Trong đó, quan tâm đặc biệt đến các tuyến đường trọng điểm, các khu vực đường xung yếu, cầu yếu, sạt lở đất để ứng cứu, thay thế khi có sự cố ách tắc giao thông đảm bảo giao thông trong thời gian nhanh nhất.

11. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Theo dõi chặt chẽ thiệt hại về thiên tai đến đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, cứu đói, thăm hỏi động viên và hỗ trợ kịp thời cho dân cư khu vực bị thiệt hại do thiên tai; bảo đảm cuộc sống, ổn định, an sinh cho nhân dân.

12. Sở Y tế: Xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh trước, trong và sau khi thiên tai; chuẩn bị đầy đủ lực lượng cán bộ y tế; dự trữ đủ cơ số thuốc; phương tiện vật tư y tế cần thiết đáp ứng nhu cầu cứu thương, phòng ngừa bệnh dịch; hướng dẫn cho cộng đồng dân cư về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh, xử lý môi trường vùng bị thiên tai. Cấp cứu nạn nhân bị tai nạn thiên tai; tham gia các cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

13. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, hướng dẫn các Chủ đầu tư thi công đúng tiêu chuẩn, chất lượng công trình, tránh mất an toàn khi xảy ra thiên tai. Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các địa phương rà soát hệ thống tiêu thoát nước, nhất là các khu đô thị; chủ động triển khai khắc phục nhanh tình trạng ngập úng khi mưa lớn. Tăng cường kiểm tra các công trình công cộng đã hết thời hạn sử dụng; các công trình có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra; hướng dẫn sửa chữa, gia cố nhà ở, trong đó chú trọng các biện pháp kỹ thuật phòng, chống các loại thiên tai nguy hiểm như mưa lớn, sạt lở đất, lốc xoáy, mưa đá.

14. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Cân đối, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách, Quỹ phòng chống thiên tai, các nguồn kinh phí khác trong kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 để di dời dân cư, củng cố nâng cấp duy tu bảo dưỡng hồ đập, kè chống sạt lở đất...; các Chương trình, Nghị quyết, Đề án nhằm bảo đảm nguồn tài chính phòng, chống, ứng phó thiên tai. Lồng ghép các nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng chống, ứng phó thiên tai với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, ưu tiên bố trí nguồn vốn dự phòng ngân sách cho khắc phục hậu quả

thiên tai. Tranh thủ, các nguồn kinh phí khác đầu tư, hỗ trợ cho công tác phòng, chống thiên tai.

15. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối chặt chẽ với Công ty Viễn thông tỉnh đảm bảo thông tin thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong mọi tình huống; chú trọng đảm bảo thông tin ở những nơi vùng cao, sóng kém, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

16. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổ chức tuyên truyền chỉ thị, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh để thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thông tin kịp thời những diễn biến thời tiết, thiên tai đến các cơ quan liên quan và người dân để chủ động phòng, chống.

17. Sở Giáo dục và Đào tạo: Lồng ghép kiến thức phòng chống thiên tai với kiến thức giảng dạy trong trường học; xây dựng phương án ứng phó với thiên tai của ngành giáo dục bảo đảm an toàn cho học sinh; kiểm tra trường lớp trước mùa mưa, lũ để có kế hoạch sửa chữa đảm bảo cho công tác dạy và học.

18. Công ty Điện lực Lào Cai: Xây dựng kế hoạch, phương án cung cấp điện phục vụ cho đời sống, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; phối hợp với Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Lào Cai chặt, tỉa cành cây vi phạm hành lang lưới điện; cung cấp đủ nguồn điện cho các trạm bơm phục vụ tiêu úng; đảm bảo an toàn cho hệ thống đường dây, trạm điện và con người; duy động lực lượng khắc phục hệ thống điện bị ảnh hưởng do thiên tai gây mất điện, sớm đảm bảo cấp điện cho những nơi bị thiên tai gây ra, đặc biệt là những nơi đang bị thiệt hại.

19. Các tổ chức Đoàn thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh là đầu mối vận động ủng hộ, tiếp nhận cứu trợ và phân phối kịp thời hàng ủng hộ cứu trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức Đoàn thể liên quan tổ chức thăm hỏi những gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Các tổ chức đoàn thể khác theo chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng và triển khai Phương án PCTT của ngành, thực hiện nhiệm vụ theo thông báo phân công của ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương, đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh Pháp Luật về phòng, chống thiên tai; lập kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ các kho tàng, công trình quan trọng của nhà nước, tổ chức thăm hỏi động viên người bị nạn, ổn định cuộc sống.

20. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch PCTT năm 2018 sát với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với điều kiện địa phương. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; thành lập đội xung kích và lực lượng tại chỗ đảm bảo quân số đáp ứng yêu cầu thực hiện kế hoạch; chủ động điều

chính kế hoạch bổ sung nhằm đảm bảo đủ lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, nhu yếu phẩm thiết yếu để có thể huy động kịp thời khi có thiên tai xảy ra. Xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức di dời, bảo vệ người dân ở vùng chịu ảnh hưởng của bão, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; chủ động ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định để khắc phục hậu quả, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn các công trình phòng chống thiên tai, nhất là các hồ chứa vừa và nhỏ trên địa bàn để phối hợp với các đơn vị xử lý kịp thời những hư hỏng, sự cố; xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão. Có kế hoạch dự trữ lương thực và nhu yếu phẩm phục vụ nhân dân đảm bảo đủ nhu cầu khi có thiên tai xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó và phòng tránh lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn; Phương phòng chống rét, phương án chống hạn, phương án điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo tình hình diễn biến của khí hậu thời tiết...

- Theo dõi, cập nhật diễn biến thời tiết, thiên tai để báo cáo kịp thời cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (*Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh*) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

21. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng và phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 sát với tình hình thực tế tại địa phương; phù hợp với điều kiện địa phương.

- Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa bàn cấp xã quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; những vấn đề vượt thẩm quyền báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo giải quyết.

- Khi các hộ dân trên địa bàn xã bị thiệt hại do thiên tai thì UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (*nhANH, đầy đủ, chính xác*) và báo cáo kịp thời cho cơ quan cấp trên theo quy định.

22. Các sở, ngành, các cơ quan đơn vị liên quan, các tổ chức, cá nhân: Thường xuyên theo dõi thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình thiên tai để chủ động phòng, chống; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, vật tư, lực lượng để tham gia vào công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai khi được sự huy động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

II. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khẩn trương tổ chức, triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan Trung ương, Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phải chủ động điều chỉnh Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 theo lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của địa phương; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành tỉnh trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) tổ chức kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thế

Phụ biểu 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CHỖ Ỗ AN TOÀN NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG

TT	Phong tin tổng hợp	ĐVT	Toàn tỉnh	Bảo Yên	Bảo Thắng	Văn Bàn	Bát Xát	Mường Khương	Bắc Hà	Si Ma Cai	Sa Pa	TP Lào Cai
1	Số huyện, thành phố		9									
2	Số xã		164	18	15	23	23	16	21	13	18	17
3	Tổng số hộ điều tra	Hộ	108.699	20.481	14.844	13.225	17.013	11.225	13.467	5.643	11.996	805
4	Tổng số hộ hiện có	Hộ	165.027	20.481	30.187	19.623	17.013	13.131	13.467	7.110	11.996	32.019
5	Tổng số người	người	713.513	86.870	110.520	90.275	77.554	62.863	65.277	36.816	61.414	121.924
6	Nam	người	361.318	45.154	55.976	45.770	39.547	31.689	33.627	18.532	30.209	60.814
7	Nữ	người	352.195	41.715	54.544	44.505	38.007	31.174	31.650	18.285	31.205	61.110
8	Trẻ em dưới 6 tuổi	người	95.061	11.105	23.172	8.360	9.120	7.126	8.578	5.294	9.815	12.491
9	Người già trên 60 tuổi	người	57.016	7.339	8.983	5.453	4.332	4.230	4.163	1.463	6.001	15.052
10	Người khuyết tật	người	4.347	896	696	477	452	255	212	240	261	858
11	Dân tộc Kinh	người	244.736	22.120	71.064	7.903	15.388	7.142	10.376	1.544	12.043	97.156

II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT

1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	Hộ	12.942	2.110	633	1.527	3.094	2.027	796	612	1.624	519
		người	58.178	8.889	2.658	6.666	13.925	8.216	3.852	3.400	8.496	2.076
2a	Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đào, đắp (san, gạt)	Hộ	4.341	1.243	60	555	501	336	147	161	1.030	308
		người	17.313	4.977	252	2.541	2.255	1.367	663	796	3.230	1.232
2b	Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (talyu âm/dương) có độ dốc cao.	Hộ	15.315	2.739	613	1.902	4.878	1.707	232	1.063	1.653	528
		người	65.047	11.482	2.574	7.987	21.951	6.873	1.044	5.477	5.547	2.112
2c	Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kê chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.	Hộ	12.453	2.201	566	1.492	4.185	1.303	206	1.019	1.063	418
		người	55.637	9.197	2.377	5.218	18.839	5.234	927	6.180	5.993	1.672
2d	Số hộ phía trên có đèo ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)	Hộ	2.037	436	8	164	272	63	96	43	912	43
		người	10.485	1.930	34	1.126	1.225	260	432	227	5.079	172
2e	Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ	Hộ	27.015	4.817	1.024	7.670	4.546	3.741	-	2.412	2.359	446
		người	121.485	21.240	4.301	33.911	20.457	15.243	-	11.745	12.804	1.784
3	Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống	Hộ	1.856	1.319	-	252	119	18	74	5	43	26
		người	8.103	5.335	-	1.491	538	78	336	28	193	104
3a	Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...	Hộ	1.220	256	36	151	177	4	413	6	79	98
		người	5.390	1.110	151	876	797	22	1.856	33	153	392
3b	Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạt.	Hộ	2.112	616	138	449	456	51	83	14	41	264
		người	8.846	2.255	580	2.034	2.053	212	373	73	210	1.056
3c	Số hộ gần chỗ ở có công, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát, cây lớn.	Hộ	918	237	115	162	152	1	32	-	131	88
		người	4.802	937	937	1.085	687	3	144	-	657	352
4	Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.	Hộ	918	237	115	162	152	1	32	-	131	88
		người	4.802	937	937	1.085	687	3	144	-	657	352

5	Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị																		
5a	Số hộ không thuộc diện ưu tiên, người được nhận thông tin cảnh báo	Hộ	12.136	1.003	22	1.233	4.893	892	267	2.144	1.209		473						
		người	58.967	3.981	93	5.396	22.019	3.573	1.201	10.001	10.811		1.892						
5b	Số hộ không lắp đặt phòng cháy chống khói xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Hộ	12.642	783	12	1.387	5.146	1.054	225	2.292	1.567		176						
		người	62.628	3.114	50	6.270	23.157	4.256	1.012	11.536	12.529		704						
5c	Số hộ không hoặc thiếu ghế đồng chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh đến phòng chữa bệnh cuộn dây...	Hộ	14.260	853	34	1.475	5.752	1.168	371	2.523	1.915		169						
		người	69.871	3.391	142	7.365	25.884	4.693	1.669	12.212	13.839		676						
5d	Nhà đang ở diện	Hộ	165.027	20.481	30.187	19.623	17.013	13.131	13.467	7.110	11.996		32.019						
		người	713.513	86.870	110.520	90.275	77.554	62.863	65.277	36.816	61.414		121.924						
	Số hộ có nhà sàn:	Hộ	9.354	2.901	83	3.418	21	7	1.459	805	448		212						
		người	39.477	12.305	304	15.724	105	33	5.836	3.220	1.143		807						
	Số hộ có nhà gỗ:	Hộ	58.783	9.551	2.970	4.904	10.500	7.361	7.819	4.069	8.681		2.928						
		người	265.578	40.510	10.874	22.560	47.706	36.472	31.276	16.276	48.754		11.150						
	Số hộ có nhà tranh:	Hộ	3.655	376	1.778	343	261	63	126	8	148		552						
		người	14.585	1.595	6.510	1.577	1.284	260	504	32	641		2.102						
	Số hộ có nhà xây:	Hộ	91.768	7.653	25.356	10.958	6.231	5.700	4.063	761	2.719		28.327						
		người	379.709	32.460	92.832	50.414	28.459	26.098	27.661	3.044	10.876		107.865						
	6	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo chống lốc xoáy.	Hộ	39.977	8.609	4.741	4.509	10.958	3.910	1.062	2.569	3.084		535					
			người	170.045	35.725	19.912	19.310	49.311	15.725	4.248	11.338	12.336		2.140					
7	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo phòng chống mưa đá lớn	Hộ	43.774	7.890	4.741	5.357	11.158	4.916	3.685	2.663	3.025		339						
		người	184.642	31.804	19.912	22.895	50.211	19.863	14.740	11.761	12.100		1.356						
8	Số hộ gia đình có đề nghị Nhà nước hỗ trợ củng cố chỗ ở bảo đảm an toàn	Hộ	29.056	3.017	1.616	2.306	14.776	2.120	935	2.517	1.075		694						
		người	132.131	12.653	6.786	8.373	66.493	8.762	3.740	11.365	11.183		2.776						
8a	Số hộ Cam kết di dời khẩn cấp và đề nghị hỗ trợ kinh phí di chuyển	Hộ	1.308	533	96	118	70	212	32	59	51		137						
		người	6.570	2.309	403	754	315	1.123	128	723	267		548						
8b	Số hộ Đề nghị được vay vốn ưu đãi để củng cố chỗ ở đảm bảo an toàn	Hộ	15.251	1.619	808	1.233	7.353	1.171	556	1.424	740		347						
		người	68.428	6.688	3.393	4.342	33.089	4.864	2.224	6.640	5.800		1.388						
8c	Số hộ Đề nghị hỗ trợ pháp lý để xây kè, mở rộng hoặc giảm tải mái ta luy	Hộ	12.337	865	712	955	7.353	737	347	924	234		210						
		người	55.333	3.656	2.990	3.277	33.089	3.042	1.388	4.002	3.049		840						

III. ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN

1	Chỗ ở an toàn	Hộ	122.278	11.339	25.350	17.559	5.785	8.003	9.750	4.288	8.857		31.347
		Tỷ lệ %	74,10	55,36	83,98	89,48	34,00	60,95	72,40	60,31	73,83		97,90
2	Chỗ ở kém an toàn	Hộ	41.378	8.609	4.741	1.946	11.158	4.916	3.685	2.763	3.025		535
		Tỷ lệ %	25,07	42,03	15,71	9,92	65,59	37,44	27,36	38,86	25,22		137,00
3	Chỗ ở cần di dời khẩn cấp	Hộ	1.371	533	96	118	70	212	32	59	114		137
		Tỷ lệ %	0,83	2,60	0,32	0,60	0,41	1,61	0,24	0,83	0,95		0,43

Phụ biểu 02: TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM XÂY RA SẠT LỠ ĐẤT ĐÁ, LŨ QUÉT

(Kèm theo Kế hoạch phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Huyện/TP	Số điểm sạt lở đất đá	Số điểm lũ quét	Quy mô sạt trượt (m3)				Ghi chú
				> 200	200- 1000	1000- 20000	<20000	
1	Văn Bàn	97	2	71	18	7	1	
2	Bảo Thắng	34		26	5	3		
3	Bảo Yên	55	1	33	18	3	1	
4	Bát Xát	72		24	28	19	1	
5	TP Lào Cai	10		5	4	1		
6	Mường Khương	56		39	15	2		
7	Bắc Hà	54	1	26	23	5		
8	Si Ma Cai	20		14	4	2		
9	Sa Pa	47	3	26	15	5	1	
10	Cộng	445	7	264	130	47	4	

Phụ biểu 03- PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, NHU YÊU PHẨM

(Kèm theo Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)



TT	Mục	VT	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm
1	Nguồn nhân lực cứu	Người	10.590	Lực lượng tự vệ cơ động địa phương, các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân	Lực lượng vũ trang (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.550 người), các sở, ngành huyện, TP, DN 1.240 người, các xã phường thị trấn 7.800 người (mỗi xã 48 người)
-	Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu	Người	3.177		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 465 người, Các sở, ngành huyện, TP, DN 369 người, các xã phường thị trấn 2343 người (mỗi xã 14 người)
-	Lực lượng huy động	Người	7.413		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1085 người, Các sở, ngành huyện, TP, DN 861 người, các xã phường thị trấn 5467 người (mỗi xã 33 người)
2	Phương tiện và trang thiết bị				
-	Xuồng Máy	Chiếc	5	Huy động các cơ quan, đơn vị; các Doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân	TP Lào Cai 01, Chi cục Kiểm Lâm 01, Bộ CHQS 1; Bộ chỉ huy Biên phòng 2.
-	Áo Phao	Cái	700		BCH Quân sự tỉnh 50, BCH Biên phòng 30, Công an tỉnh 20, Văn phòng UBND tỉnh 10; Sở GD và ĐT 20, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 10, CC Kiểm lâm 20, TP Lào Cai 110, huyện Văn Bàn 90, Bảo Thắng 110, Bảo Yên 90, Bát Xát 80; Bắc Hà 20; Si Ma Cai 10, Mường Khương 10, Sa Pa 10.
-	Phao Tròn	Cái	1.460		BCH Quân Sự tỉnh 130, BCH Biên Phòng 80, Sở Giao Thông 70, Sở NN&PTNT 20, Công an tỉnh 20, Sở GD và ĐT 200, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 40, TP Lào Cai 150, huyện Văn Bàn 130, Bảo Thắng 120, Bảo Yên 180, Bát Xát 130, Bắc Hà 80, Si Ma Cai 40, Mường Khương 30, Sa Pa 30.
-	Nhà bạt các loại	Bộ	43		BCH Quân Sự tỉnh 7, BCH Biên Phòng 5, Văn phòng TT PCLB tỉnh 3, Công an tỉnh 2, CC Kiểm lâm 2, TP Lào Cai 3, huyện Văn Bàn 3, Bảo Thắng 5, Bảo Yên 5, Bát Xát 5, Sa Pa 2, Si Ma Cai 1
-	Máy phát điện	Máy	10		Các huyện, TP, Ban chỉ huy PCTT tỉnh
-	Cưa máy	Máy	34		Ban chỉ huy PCTT huyện Sa Pa, Bát Xát
-	Xe con	Chiếc	38		BCH Quân Sự tỉnh 5 xe, BCH Biên Phòng 4 xe, Mỗi Sở ngành là thành viên BCH PCLB tỉnh 01 xe (Tương đương 25 xe); mỗi huyện, TP 01 xe. Riêng Sở NN&PTNT 03 xe
-	Xe tải	Chiếc	5		BCH Quân sự 02, Công an tỉnh 03

TT	Danh mục	DVT	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm
-	Xe cứu hộ	Chiếc	13		BCH Quân Sự tỉnh 1xe, BCH Biên Phòng 1xe, Sở Y tế 2 xe, mỗi huyện, thành phố 01 xe
-	Xe cứu người	Chiếc	23		Sở Giao thông vận tải 05 xe, Mỗi huyện, thành phố 02 xe
-	Xe tải	Chiếc	23		Sở Giao thông vận tải 05 xe, Mỗi huyện, thành phố 02 xe
	Máy bơm nước	Chiếc	3		Huyện Bát Xát 01, Sa Pa 01, Chi cục Kiểm lâm tỉnh 01
-	Máy xúc, máy đào	Chiếc	18		Mỗi huyện 02 xe
3	Giống, vật tư NN phục hồi sản xuất				Sở Nông nghiệp
-	Lúa giống	tấn	20	Thị trường tự do	Trung tâm Giống
-	Phân bón các loại	tấn	2.000	Thị trường tự do	
-	Phân NPK	tấn	1.000	Thị trường tự do	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp
-	Phân URÊ	tấn	800	Thị trường tự do	nt
-	Phân bón loại khác	tấn	200	Thị trường tự do	nt
4	Lương thực, thực phẩm, vật tư				Sở Công Thương
-	Gạo	Tấn	10.000	Kho Cam Đường	Công ty lương thực
-	Muối ăn	Tấn	50	Các huyện	Công ty CP thương mại Lào Cai
-	Bột canh	gói	50.000	Thị trường tự do	
-	Mỳ tôm	thùng	40.000	Thị trường tự do	Công ty CP thương mại Lào Cai
-	Sữa (các loại)	kiện	10.000	Thị trường tự do	
-	Xăng, dầu	m ³	1.500		Tại các cửa hàng ở các huyện thuộc Cty xăng dầu Lào Cai
-	Tấm lợp các loại	tấm	30.000	Thị trường tự do	Tại các huyện
5	Y Tế				Sở Y Tế
-	Thuốc khử trùng	tấn	2	Tại các huyện	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
-	Thuốc chữa bệnh	cơ sở	18	Tại các huyện	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh

**Phụ biểu 04: THỐNG KÊ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PCTT VÀ TKCN
ĐẾN THỜI ĐIỂM O GIỜ NGÀY 01/03/2016**



theo Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Trang bị	Đơn vị	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
1	TỔNG TOÀN TỈNH			14.832	32.218	17.386	(14.832)	16.805	18.421	19.672	32.218	
1	Xe cứu hộ PCCR	chiếc	Mua sắm	1	2	1	-	1	-	-	-	
2	Xe chữa cháy	Chiếc	Bộ CA	9	13	4	1	1	1	1		
3	Ô tô phục vụ BVR - PCCR	Chiếc	Kiểm lâm	13	20	7	2	1	3	1		
4	Xuồng các loại			17	57	40	20	5	5	5	5	
-	Xuồng ST 750	Chiếc	QK cấp	1	7	6	1	1	2	1	1	
-	Xuồng ST 660	Chiếc	QK cấp	2	15	13	3	3	3	3	1	
-	Xuồng ST 450	Chiếc	DTQG	7	21	14	6	3	3	1	1	
-	Xuồng Máy <200 ML	Chiếc	Bộ công an	7	14	7	3	2	1	1	-	
5	Nhà bạt các loại			216	1.207	991	336	227	169	130	87	
-	Nhà bạt 60m2	Bộ	QK + DTQG	18	787	764	70	50	50	64	30	
-	Nhà bạt 24,75m2	Bộ	QK + DTQG	32	226	194	60	45	50	20	19	
-	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	QK + DTQG	113	301	188	55	47	23	14	7	
-	Nhà bạt các loại khác	Bộ	Bộ CA + KL	52	205	153	57	35	27	16	18	
-	Dù tiểu đội	Cái	Tự Mua	-	99	99	44	25	13	9	8	
-	Dù trung đội	Cái	Tự Mua	-	61	61	35	15	3	5	3	
-	Dù đại đội	Cái	Tự Mua	1	33	32	15	10	3	2	2	
6	Phao các loại			3.357	4.792	1.435	329	1.248	313	156	189	
-	Phao áo cứu sinh	chiếc	QK + DTQG	1.815	2.629	814	217	442	172	112	141	
-	Phao tròn cứu sinh	chiếc	QK + DTQG	1.537	2.127	590	102	798	135	40	45	
-	Phao tự thổi	chiếc	QK + DTQG	1	20	19	5	5	4	3	2	
-	Phao bè	chiếc	QK + DTQG	4	16	12	5	3	2	1	1	
7	Trang thiết bị khác			11.219	26.127	14.908	5.991	3.368	2.488	1.616	1.413	
-	Máy phát điện các loại	chiếc	Bộ CA + KL	526	774	248	82	55	42	39	31	
-	Máy bơm nước các loại	chiếc	Bộ CA + KL	37	224	187	68	38	32	27	23	
-	Máy cưa cầm tay các loại	chiếc	Bộ CA + KL	85	290	205	57	43	35	31	39	
-	Máy khoan cắt bê tông	chiếc	Bộ công an	2	124	122	50	39	15	10	8	
-	Giường USA	Cái	Tự mua	8	8	-						
-	Máy định vị	Cái	Q. Khu + KL	44	205	161	53	32	26	22	28	
-	Cuộc bàn	Cái	Tự mua	250	250	-						
-	Xăng to	Cái	TM+ DA	140	140	-						
-	Dao phát, dao tông	Chiếc	Tự mua + KL	770	1.630	860	450	200	150	60		



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
-	Đệm nhà bọt	Chiếc	DTQG	5	42	37	20	17				
-	Đệm hơi cứu người	Cái	Bộ Công an	2	6	4	4	-		-	-	
-	Máy báo lượng	Bộ	Viện trợ	3	36	33	17	9	5	2	-	
-	Máy phát thanh không dây	Bộ	Viện trợ	9	37	28	10	7	5	3	3	
-	Máy thổi gió	Chiếc	Kiểm lâm	9	22	13	7	-	3	-	3	
-	Máy cắt cỏ	Chiếc	Kiểm lâm	2	16	14	14					
-	Máy tính nổi mạng	Chiếc	Kiểm lâm	35	35	-						
-	Điện thoại	Chiếc	Kiểm lâm	56	56	-						
-	ống nhôm	Chiếc	Kiểm lâm	13	32	19	9	3	4	2	1	
-	Loa cầm tay	Chiếc	QS +KL	176	617	441	130	97	73	62	79	
-	Bình bơm nước đeo vai	Chiếc	Kiểm lâm	2	696	694	250	150	120	100	76	
-	Bình bột	Bình	Kiểm lâm	176	176	-						
-	Bộ đàm	Chiếc	Kiểm lâm	132	300	168	65	31	46	2	24	
-	Trạm khí tượng	Trạm	Kiểm lâm	9	11	2	1	1	-	-	-	
-	Quần áo chữa cháy	Chiếc	Kiểm lâm	150	200	50	50	-		-		
-	Bồn chứa nước	Chiếc	Kiểm lâm	8	24	16	5	5	3	-	3	
-	Bàn đập	Chiếc	Kiểm lâm	340	340	-						
-	Giấy đi rừng	Đài	Kiểm lâm	300	600	300	150	-	100	-	50	
-	Mũ bảo hộ	Chiếc	Kiểm lâm	1.126	1.911	785	250	150	150	140	95	
-	Đèn pin	Chiếc	Kiểm lâm	105	1.526	1.421	481	350	250	190	150	
-	Bình tổng đựng nước	Bình	Kiểm lâm	1.695	3.410	1.715	570	350	280	300	215	
-	Cào răng	Chiếc	Kiểm lâm	18	18	-						
-	Túi cứu thương	Bộ	Kiểm lâm	14	14	-						
-	Inmasat	Bộ	Tự mua	1	1	-						
-	Vô tuyến CT12	Bộ	Tự mua	3	3	-						
-	CODAN	Bộ	Tự mua	1	1	-						
-	Ứng	Đôi	VT	90	90	-						
-	Dây thừng	Cuộn	VT	10	10	-						
-	Căng cứu thương	Chiếc	DA PCCCR	14	182	168	78	54	13	13	10	
-	Bàn đập lửa	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	6	788	782	270	189	150	120	53	
-	Bảng cấp dự báo	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	4	12	8	4	2	2	-	-	
-	Bảng nói quy	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	270	270	-						
-	Biển báo cấm	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	54	54	-						
-	Bình bột	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	40	210	170	72	57	15	13	13	
-	Cầu liêm	Chiếc	Mua sắm	40	40	-						
-	Cuộc chìm	Chiếc	Mua sắm	50	600	550	200	170	80	50	50	



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
-	Dao phát	Chiếc	Mua sắm	2.480	4.110	1.630	768	328	245	150	139	
-	Dao tông	Chiếc	Mua sắm	10	200	190	190					
-	Đèn xách tay	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	850	1.690	840	350	175	150	60	105	
-	Giày bảo hộ	Đôi	ĐA Kiểm Lâm	450	1.480	1.030	450	300	170	60	50	
-	Loa cầm tay	Chiếc		15	50	35	25	10	-			
-	Mặt nạ phòng độc	Chiếc	Quân khu cấp	50	100	50	20	10	10	5	5	
-	Máy xúc	Chiếc	Tự mua	1	5	4	2	1	1	-	1	
-	Quần áo bảo hộ	Bộ	ĐA Kiểm Lâm	46	468	422	170	105	80	30	37	
-	Quần áo chữa cháy rừng	Bộ	ĐA Kiểm Lâm	5	700	695	250	150	129	90	76	
-	Quần áo mưa	Chiếc	VT	90	736	646	290	215	80	20	41	
-	Thiết bị vô tuyến sóng ngắn	Bộ	VNPT	9	11	2	2	-	-	-		
-	Thuyền	Chiếc	Tự mua	10	10	-						
-	Trạm quan trắc khí tượng	Trạm	ĐA Kiểm Lâm	1	16	15	6	3	2	2	2	
-	Trạm vi sát	Trạm	VNPT	5	8	3	2	-	-	1	-	
-	Tuyến vi ba	Tuyến	VNPT, Viettel	56	68	12	3	2	2	2	3	
-	Xăng bộ binh	Chiếc	Tự mua	300	350	50	20	10	10	10	-	
-	Bộ dụng cụ ứng cứu thiên tai	Chiếc	VNPT, Viettel	28	34	6	6	-				
-	Máy bộ đàm cầm tay	Chiếc		20	60	40	20	10	10	-	-	

R